

THĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/2025/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	CHỖ: S
	Ngày: 04/7/2025

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam; nguyên tắc xác định, quản lý, sử dụng bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

2. Quyết định này áp dụng đối với các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

Điều 2. Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam

1. Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 được ban hành kèm theo Quyết định này để sử dụng thống nhất trong cả nước, gồm:

a) Danh mục và mã số các đơn vị hành chính cấp tỉnh (Phụ lục I kèm theo).

b) Danh mục và mã số các đơn vị hành chính cấp xã (Phụ lục II kèm theo).

2. Mã số cấp cho một đơn vị hành chính là số định danh duy nhất, không thay đổi trong suốt quá trình đơn vị hành chính đó tồn tại thực tế. Mã số đã cấp không được sử dụng để cấp lại cho đơn vị hành chính khác cùng cấp.

3. Cấu trúc mã số đơn vị hành chính

Mã số đơn vị hành chính được phân làm 2 cấp độc lập, mỗi cấp có mã số mở để cấp mã số mới cho đơn vị hành chính khi thay đổi. Cụ thể:

a) Mã số của đơn vị hành chính cấp tỉnh được xác định bằng 02 chữ số từ số 01 đến 99;

b) Mã số của đơn vị hành chính cấp xã được xác định bằng 05 chữ số từ số 00001 đến 99999.

Điều 3. Nguyên tắc xác định mã số đơn vị hành chính khi có thay đổi

1. Đối với cấp tỉnh

a) Trường hợp tách tỉnh

Tỉnh có trụ sở Ủy ban nhân dân đóng trên địa điểm cũ thì mã số đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp xã không thay đổi.

Tỉnh có trụ sở Ủy ban nhân dân đóng trên địa điểm mới được cấp mã tỉnh mới, mã số đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh đó không thay đổi.

b) Trường hợp nhập tỉnh

Tỉnh hợp nhất có trụ sở Ủy ban nhân dân đóng tại tỉnh nào thì mang mã số của tỉnh đó, mã số của tỉnh còn lại sẽ bị đóng và không cấp lại cho đơn vị hành chính khác. Mã số cấp xã của tỉnh hợp nhất không thay đổi.

2. Đối với cấp xã

a) Trường hợp tách xã

Xã có trụ sở Ủy ban nhân dân đóng trên địa điểm cũ thì mang mã số cũ.

Xã có trụ sở Ủy ban nhân dân đóng trên địa điểm mới được cấp mã số mới.

b) Trường hợp nhập xã

Xã hợp nhất có trụ sở Ủy ban nhân dân đóng tại xã nào thì mang mã số của xã đó, mã số của xã còn lại bị đóng và không cấp lại cho đơn vị hành chính khác.

3. Trường hợp đơn vị hành chính các cấp đổi tên, điều chỉnh từ khu vực nông thôn sang thành thị hoặc ngược lại thì mã số không thay đổi.

Điều 4. Quản lý, sử dụng bảng danh mục và mã số đơn vị hành chính

1. Thủ tướng Chính phủ ban hành bảng Danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam. Bộ Tài chính (Cục Thống kê) có trách nhiệm quản lý hệ thống mã số đơn vị hành chính các cấp trong cả nước.

2. Căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thay đổi đơn vị hành chính, Bộ Tài chính (Cục Thống kê) có trách nhiệm sắp xếp, đóng mã số, cấp mã số đơn vị hành chính các cấp và thông báo kịp thời cho các đơn vị trong toàn quốc để thống nhất sử dụng.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bảng Danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tài chính (Cục Thống kê)

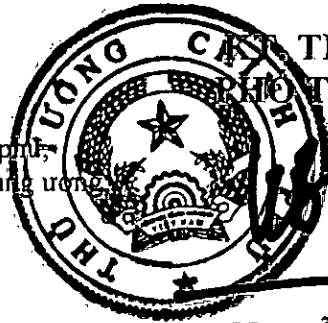
Quản lý, sắp xếp và cấp mã số mới cho đơn vị hành chính các cấp khi có thay đổi.

Hướng dẫn các bộ, ngành, cơ quan thực hiện theo đúng quy định của Quyết định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2b). 70



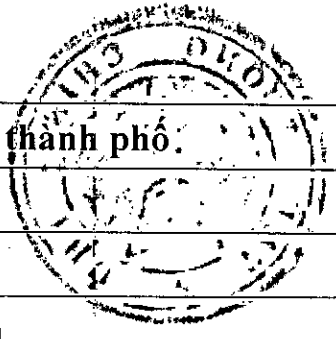
**THỦ TƯỚNG
CHÍNH PHỦ**

Nguyễn Hoà Bình

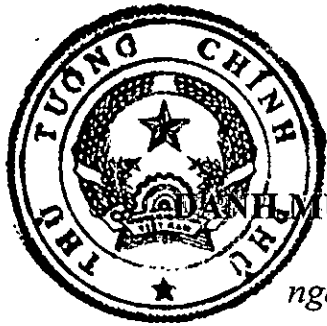


Phụ lục I
DANH MỤC VÀ MÃ SỐ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH
(Kèm theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Mã số	Tên tỉnh, thành phố
1	01	Thành phố Hà Nội
2	04	Tỉnh Cao Bằng
3	08	Tỉnh Tuyên Quang
4	11	Tỉnh Điện Biên
5	12	Tỉnh Lai Châu
6	14	Tỉnh Sơn La
7	15	Tỉnh Lào Cai
8	19	Tỉnh Thái Nguyên
9	20	Tỉnh Lạng Sơn
10	22	Tỉnh Quảng Ninh
11	24	Tỉnh Bắc Ninh
12	25	Tỉnh Phú Thọ
13	31	Thành phố Hải Phòng
14	33	Tỉnh Hưng Yên
15	37	Tỉnh Ninh Bình
16	38	Tỉnh Thanh Hóa
17	40	Tỉnh Nghệ An
18	42	Tỉnh Hà Tĩnh
19	44	Tỉnh Quảng Trị
20	46	Thành phố Huế
21	48	Thành phố Đà Nẵng
22	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23	52	Tỉnh Gia Lai
24	56	Tỉnh Khánh Hòa
25	66	Tỉnh Đắk Lắk



STT	Mã số	Tên tỉnh, thành phố.
26	68	Tỉnh Lâm Đồng
27	75	Tỉnh Đồng Nai
28	79	Thành phố Hồ Chí Minh
29	80	Tỉnh Tây Ninh
30	82	Tỉnh Đồng Tháp
31	86	Tỉnh Vĩnh Long
32	91	Tỉnh An Giang
33	92	Thành phố Cần Thơ
34	96	Tỉnh Cà Mau



Phụ lục II
DANH MỤC VÀ MÃ SỐ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
(Kèm theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

01. THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 126, gồm 75 xã, 51 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
00004	Phường Ba Đình
00008	Phường Ngọc Hà
00025	Phường Giảng Võ
00070	Phường Hoàn Kiếm
00082	Phường Cửa Nam
00091	Phường Phú Thượng
00097	Phường Hồng Hà
00103	Phường Tây Hồ
00118	Phường Bồ Đề
00127	Phường Việt Hưng
00136	Phường Phúc Lợi
00145	Phường Long Biên
00160	Phường Nghĩa Đô
00166	Phường Cầu Giấy
00175	Phường Yên Hòa
00190	Phường Ô Chợ Dừa
00199	Phường Láng
00226	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám
00229	Phường Kim Liên
00235	Phường Đồng Đa
00256	Phường Hai Bà Trưng
00283	Phường Vĩnh Tuy



Mã số	Tên đơn vị hành chính
00292	Phường Bạch Mai
00301	Phường Vĩnh Hưng
00316	Phường Định Công
00322	Phường Tương Mai
00328	Phường Lĩnh Nam
00331	Phường Hoàng Mai
00337	Phường Hoàng Liệt
00340	Phường Yên Sở
00352	Phường Phương Liệt
00364	Phường Khương Đình
00367	Phường Thanh Xuân
00592	Phường Từ Liêm
00598	Phường Thượng Cát
00602	Phường Đông Ngạc
00611	Phường Xuân Đình
00613	Phường Tây Tựu
00619	Phường Phú Diễn
00622	Phường Xuân Phương
00634	Phường Tây Mỗ
00637	Phường Đại Mỗ
00643	Phường Thanh Liệt
09552	Phường Kiến Hưng
09556	Phường Hà Đông
09562	Phường Yên Nghĩa
09568	Phường Phú Lương
09574	Phường Sơn Tây
09604	Phường Tùng Thiện
09886	Phường Dương Nội

Mã số	Tên đơn vị hành chính
10015	Phường Chương Mỹ
00376	Xã Sóc Sơn
00382	Xã Kim Anh
00385	Xã Trung Giã
00430	Xã Đa Phúc
00433	Xã Nội Bài
00454	Xã Đông Anh
00466	Xã Phúc Thỉnh
00475	Xã Thư Lâm
00493	Xã Thiên Lộc
00508	Xã Vĩnh Thanh
00541	Xã Phù Đổng
00562	Xã Thuận An
00565	Xã Gia Lâm
00577	Xã Bát Tràng
00640	Xã Thanh Trì
00664	Xã Đại Thanh
00679	Xã Ngọc Hồi
00685	Xã Nam Phù
04930	Xã Yên Xuân
08974	Xã Quang Minh
08980	Xã Yên Lãng
08995	Xã Tiến Thắng
09022	Xã Mê Linh
09616	Xã Đoài Phương
09619	Xã Quảng Oai
09634	Xã Cổ Đô
09661	Xã Minh Châu

Mã số	Tên đơn vị hành chính
09664	Xã Vật Lại
09676	Xã Bất Bạt
09694	Xã Suối Hai
09700	Xã Ba Vì
09706	Xã Yên Bài
09715	Xã Phúc Thọ
09739	Xã Phúc Lộc
09772	Xã Hát Môn
09784	Xã Đan Phượng
09787	Xã Liên Minh
09817	Xã Ô Diên
09832	Xã Hoài Đức
09856	Xã Dương Hòa
09871	Xã Sơn Đồng
09877	Xã An Khánh
09895	Xã Quốc Oai
09910	Xã Kiều Phú
09931	Xã Hưng Đạo
09952	Xã Phú Cát
09955	Xã Thạch Thất
09982	Xã Hạ Bằng
09988	Xã Hòa Lạc
10003	Xã Tây Phương
10030	Xã Phú Nghĩa
10045	Xã Xuân Mai
10072	Xã Quảng Bị
10081	Xã Trần Phú
10096	Xã Hòa Phú

Mã số	Tên đơn vị hành chính
10114	Xã Thanh Oai
10126	Xã Bình Minh
10144	Xã Tam Hưng
10180	Xã Dân Hòa
10183	Xã Thường Tín
10210	Xã Hồng Vân
10231	Xã Thượng Phúc
10237	Xã Chương Dương
10273	Xã Phú Xuyên
10279	Xã Phượng Dực
10330	Xã Chuyên Mỹ
10342	Xã Đại Xuyên
10354	Xã Vân Đình
10369	Xã Ứng Thiên
10402	Xã Ứng Hòa
10417	Xã Hòa Xá
10441	Xã Mỹ Đức
10459	Xã Phúc Sơn
10465	Xã Hồng Sơn
10489	Xã Hương Sơn

04. TỈNH CAO BẰNG

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 56, gồm 53 xã, 03 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
01273	Phường Thục Phán
01279	Phường Nùng Trí Cao
01288	Phường Tân Giang
01290	Xã Bảo Lâm
01294	Xã Lý Bôn
01297	Xã Nam Quang
01304	Xã Quảng Lâm
01318	Xã Yên Thổ
01321	Xã Bảo Lạc
01324	Xã Cốc Pàng
01327	Xã Cô Ba
01336	Xã Khánh Xuân
01339	Xã Xuân Trường
01351	Xã Hưng Đạo
01354	Xã Huy Giáp
01360	Xã Sơn Lộ
01363	Xã Thông Nông
01366	Xã Cần Yên
01387	Xã Thanh Long
01392	Xã Trường Hà
01393	Xã Lũng Nặm
01414	Xã Tổng Cọt
01438	Xã Hà Quảng
01447	Xã Trà Lĩnh
01456	Xã Quang Hán

Mã số	Tên đơn vị hành chính
01465	Xã Quang Trung
01477	Xã Trùng Khánh
01489	Xã Đình Phong
01501	Xã Đàm Thủy
01525	Xã Đoài Dương
01537	Xã Lý Quốc
01552	Xã Quang Long
01558	Xã Hạ Lang
01561	Xã Vinh Quý
01576	Xã Quảng Uyên
01594	Xã Độc Lập
01618	Xã Hạnh Phúc
01636	Xã Bế Văn Đàn
01648	Xã Phục Hòa
01654	Xã Hòa An
01660	Xã Nam Tuấn
01699	Xã Nguyễn Huệ
01708	Xã Bạch Đằng
01726	Xã Nguyên Bình
01729	Xã Tĩnh Túc
01738	Xã Ca Thành
01747	Xã Minh Tâm
01768	Xã Phan Thanh
01774	Xã Tam Kim
01777	Xã Thành Công
01786	Xã Đông Khê
01789	Xã Canh Tân
01792	Xã Kim Đồng

Mã số	Tên đơn vị hành chính
01795	Xã Minh Khai
01807	Xã Thạch An
01822	Xã Đức Long

08. TỈNH TUYỀN QUANG

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 124, gồm 117 xã, 07 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
00691	Phường Hà Giang 2
00694	Phường Hà Giang 1
02212	Phường Nông Tiến
02215	Phường Minh Xuân
02509	Phường Mỹ Lâm
02512	Phường An Tường
02524	Phường Bình Thuận
00700	Xã Ngọc Đường
00706	Xã Phú Linh
00715	Xã Lũng Cú
00721	Xã Đồng Văn
00733	Xã Sà Phìn
00745	Xã Phố Bàng
00763	Xã Lũng Phìn
00769	Xã Mèo Vạc
00778	Xã Sơn Vĩ
00787	Xã Sùng Máng
00802	Xã Khâu Vai
00808	Xã Tát Ngà
00817	Xã Niêm Sơn
00820	Xã Yên Minh
00829	Xã Thắng Mố
00832	Xã Bạch Đích
00847	Xã Mậu Duệ
00859	Xã Ngọc Long

Mã số	Tên đơn vị hành chính
00865	Xã Đường Thượng
00871	Xã Du Già
00874	Xã Quán Bạ
00883	Xã Cán Tỷ
00889	Xã Nghĩa Thuận
00892	Xã Tùng Vài
00901	Xã Lùng Tám
00913	Xã Vị Xuyên
00919	Xã Minh Tân
00922	Xã Thuận Hòa
00925	Xã Tùng Bá
00928	Xã Thanh Thủy
00937	Xã Lao Chải
00952	Xã Cao Bồ
00958	Xã Thượng Sơn
00967	Xã Việt Lâm
00970	Xã Linh Hồ
00976	Xã Bạch Ngọc
00982	Xã Minh Sơn
00985	Xã Giáp Trung
00991	Xã Bắc Mê
00994	Xã Minh Ngọc
01006	Xã Yên Cường
01012	Xã Đường Hồng
01021	Xã Hoàng Su Phì
01024	Xã Bản Máy
01033	Xã Thành Tín
01051	Xã Tân Tiến

Mã số	Tên đơn vị hành chính
01057	Xã Pờ Ly Ngài
01075	Xã Nậm Dịch
01084	Xã Hồ Thầu
01090	Xã Thông Nguyên
01096	Xã Pà Vây Sủ
01108	Xã Xín Mần
01117	Xã Trung Thịnh
01141	Xã Nấm Dẩn
01144	Xã Quảng Nguyên
01147	Xã Khuôn Lùng
01153	Xã Bắc Quang
01156	Xã Vĩnh Tuy
01165	Xã Đồng Tâm
01171	Xã Tân Quang
01180	Xã Bằng Hành
01192	Xã Liên Hiệp
01201	Xã Hùng An
01216	Xã Đồng Yên
01225	Xã Tiên Nguyên
01234	Xã Yên Thành
01237	Xã Quang Bình
01243	Xã Tân Trĩnh
01246	Xã Bằng Lang
01255	Xã Xuân Giang
01261	Xã Tiên Yên
02221	Xã Nà Hang
02239	Xã Thượng Nông
02245	Xã Côn Lôn -

Mã số	Tên đơn vị hành chính
02248	Xã Yên Hoa
02260	Xã Hồng Thái
02266	Xã Lâm Bình
02269	Xã Thượng Lâm
02287	Xã Chiêm Hóa
02296	Xã Bình An
02302	Xã Minh Quang
02305	Xã Trung Hà
02308	Xã Tân Mỹ
02317	Xã Yên Lập
02320	Xã Tân An
02332	Xã Kiên Đài
02350	Xã Kim Bình
02353	Xã Hòa An
02359	Xã Tri Phú
02365	Xã Yên Nguyên
02374	Xã Hàm Yên
02380	Xã Bạch Xa
02392	Xã Phù Lưu
02398	Xã Yên Phú
02404	Xã Bình Xa
02407	Xã Thái Sơn
02419	Xã Thái Hòa
02425	Xã Hùng Đức
02434	Xã Lục Hành
02437	Xã Kiến Thiết
02449	Xã Xuân Vân
02455	Xã Hùng Lợi

Mã số	Tên đơn vị hành chính
02458	Xã Trung Sơn
02470	Xã Tân Long
02473	Xã Yên Sơn
02494	Xã Thái Bình
02530	Xã Nhữ Khê
02536	Xã Sơn Dương
02545	Xã Tân Trào
02548	Xã Bình Ca
02554	Xã Minh Thanh
02572	Xã Đông Thọ
02578	Xã Tân Thanh
02608	Xã Hồng Sơn
02611	Xã Phú Lương
02620	Xã Sơn Thủy
02623	Xã Trường Sinh

11. TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 45, gồm 42 xã, 03 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
03127	Phường Điện Biên Phủ
03151	Phường Mường Lay
03334	Phường Mường Thanh
03158	Xã Sín Thầu
03160	Xã Mường Nhé
03162	Xã Nậm Kè
03163	Xã Mường Toong
03164	Xã Quảng Lâm
03166	Xã Mường Chà
03169	Xã Nà Hỳ
03172	Xã Na Sang
03175	Xã Chà Tở
03176	Xã Nà Bùng
03181	Xã Mường Tùng
03193	Xã Pa Ham
03194	Xã Nậm Nèn
03199	Xã Si Pa Phìn
03202	Xã Mường Pồn
03203	Xã Na Son
03208	Xã Xa Dung
03214	Xã Mường Luân
03217	Xã Tủa Chùa
03220	Xã Tủa Thàng
03226	Xã Sín Chải
03241	Xã Sính Phình

Mã số	Tên đơn vị hành chính
03244	Xã Sáng Nhè
03253	Xã Tuần Giáo
03256	Xã Mường Ảng
03260	Xã Pú Nhung
03268	Xã Mường Mùn
03283	Xã Chiềng Sinh
03295	Xã Quài Tở
03301	Xã Búng Lao
03313	Xã Mường Lạn
03316	Xã Nà Tấu
03325	Xã Mường Phăng
03328	Xã Thanh Nưa
03349	Xã Thanh Yên
03352	Xã Thanh An
03356	Xã Sam Mùn
03358	Xã Núa Ngam
03368	Xã Mường Nhà
03370	Xã Pu Nhi
03382	Xã Phình Giàng
03385	Xã Tia Dình

12. TỈNH LAI CHÂU**(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 38, gồm 36 xã, 02 phường)**

Mã số	Tên đơn vị hành chính
03388	Phường Đoàn Kết
03408	Phường Tân Phong
03390	Xã Bình Lư
03394	Xã Sin Suối Hồ
03405	Xã Tà Lèng
03424	Xã Bản Bo
03430	Xã Khun Há
03433	Xã Bum Tờ
03434	Xã Nậm Hàng
03439	Xã Thu Lũm
03442	Xã Pa Ủ
03445	Xã Mường Tè
03451	Xã Mù Cà
03460	Xã Hua Bum
03463	Xã Tà Tổng
03466	Xã Bum Nưa
03472	Xã Mường Mô
03478	Xã Sin Hồ
03487	Xã Lê Lợi
03503	Xã Pa Tần
03508	Xã Hồng Thu
03517	Xã Nậm Tăm
03529	Xã Tủa Sín Chải
03532	Xã Pu Sam Cáp
03538	Xã Nậm Mạ

Mã số	Tên đơn vị hành chính
03544	Xã Nậm Cuối
03549	Xã Phong Thổ
03562	Xã Sì Lờ Lầu
03571	Xã Đào San
03583	Xã Khổng Lào
03595	Xã Than Uyên
03598	Xã Tân Uyên
03601	Xã Mường Khoa
03613	Xã Nậm Sỏ
03616	Xã Pắc Ta
03618	Xã Mường Than
03637	Xã Mường Kim
03640	Xã Khoen On

14. TỈNH SON LA

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 75, gồm 67 xã, 08 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
03646	Phường Tô Hiệu
03664	Phường Chiềng An
03670	Phường Chiềng Cơi
03679	Phường Chiềng Sinh
03979	Phường Mộc Sơn
03980	Phường Mộc Châu
03982	Phường Thảo Nguyên
04033	Phường Vân Sơn
03688	Xã Mường Chiên
03694	Xã Mường Giôn
03703	Xã Quỳnh Nhai
03712	Xã Mường Sại
03721	Xã Thuận Châu
03724	Xã Bình Thuận
03727	Xã Mường É
03754	Xã Chiềng La
03757	Xã Mường Khiêng
03760	Xã Mường Bám
03763	Xã Long Hẹ
03781	Xã Co Mạ
03784	Xã Nậm Lâu
03799	Xã Muối Nổi
03808	Xã Mường La
03814	Xã Chiềng Lao
03820	Xã Ngọc Chiến

Mã số	Tên đơn vị hành chính
03847	Xã Mường Bú
03850	Xã Chiềng Hoa
03856	Xã Bắc Yên
03862	Xã Xím Vàng
03868	Xã Tà Xùa
03871	Xã Pắc Ngà
03880	Xã Tạ Khoa
03892	Xã Chiềng Sại
03901	Xã Suối Tọ
03907	Xã Mường Cơi
03910	Xã Phù Yên
03922	Xã Gia Phù
03943	Xã Mường Bang
03958	Xã Tường Hạ
03961	Xã Kim Bôn
03970	Xã Tân Phong
03985	Xã Chiềng Sơn
03997	Xã Tân Yên
04000	Xã Đoàn Kết
04006	Xã Song Khủa
04018	Xã Tô Múa
04045	Xã Lóng Sập
04048	Xã Vân Hồ
04057	Xã Xuân Nha
04075	Xã Yên Châu
04078	Xã Chiềng Hặc
04087	Xã Yên Sơn
04096	Xã Lóng Phiêng

Mã số	Tên đơn vị hành chính
04099	Xã Phiêng Khoài
04105	Xã Mai Sơn
04108	Xã Chiềng Sung
04117	Xã Mường Chanh
04123	Xã Chiềng Mung
04132	Xã Chiềng Mai
04136	Xã Tà Hộc
04144	Xã Phiêng Cầm
04159	Xã Phiêng Păn
04168	Xã Sông Mã
04171	Xã Bó Sinh
04183	Xã Mường Lằm
04186	Xã Nậm Ty
04195	Xã Chiềng Sơ
04204	Xã Chiềng Khoong
04210	Xã Huổi Một
04219	Xã Mường Hung
04222	Xã Chiềng Khương
04228	Xã Púng Bính
04231	Xã Sốp Cộp
04240	Xã Mường Lèo
04246	Xã Mường Lạn

15. TỈNH LÀO CAI

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 99, gồm 89 xã, 10 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
02647	Phường Lào Cai
02671	Phường Cam Đường
03006	Phường Sa Pa
04252	Phường Yên Bái
04273	Phường Nam Cường
04279	Phường Văn Phú
04288	Phường Nghĩa Lộ
04543	Phường Âu Lâu
04663	Phường Trung Tâm
04681	Phường Cầu Thia
02680	Xã Hợp Thành
02683	Xã Bát Xát
02686	Xã A Mú Sung
02695	Xã Trịnh Tường
02701	Xã Y Tý
02707	Xã Dền Sáng
02725	Xã Bản Xèo
02728	Xã Mường Hum
02746	Xã Cốc San
02752	Xã Pha Long
02761	Xã Mường Khương
02782	Xã Cao Sơn
02788	Xã Bản Lầu
02809	Xã Si Ma Cai
02824	Xã Sín Chéng

Mã số	Tên đơn vị hành chính
02839	Xã Bắc Hà
02842	Xã Tả Củ Tỷ
02848	Xã Lũng Phình
02869	Xã Bản Liễn
02890	Xã Bảo Nhai
02896	Xã Cốc Lầu
02902	Xã Phong Hải
02905	Xã Bảo Thắng
02908	Xã Tăng Loỏng
02923	Xã Gia Phú
02926	Xã Xuân Quang
02947	Xã Bảo Yên
02953	Xã Nghĩa Đô
02962	Xã Xuân Hòa
02968	Xã Thượng Hà
02989	Xã Bảo Hà
02998	Xã Phúc Khánh
03004	Xã Ngũ Chỉ Sơn
03013	Xã Tả Phìn
03037	Xã Tả Van
03043	Xã Mường Bo
03046	Xã Bản Hồ
03061	Xã Võ Lao
03076	Xã Nậm Chày
03082	Xã Văn Bàn
03085	Xã Nậm Xé
03091	Xã Chiềng Ken
03103	Xã Khánh Yên

Mã số	Tên đơn vị hành chính
03106	Xã Dương Quý
03121	Xã Minh Lương
04303	Xã Lục Yên
04309	Xã Lâm Thượng
04336	Xã Tân Lĩnh
04342	Xã Khánh Hòa
04345	Xã Mường Lai
04363	Xã Phúc Lợi
04375	Xã Mậu A
04381	Xã Lâm Giang
04387	Xã Châu Quế
04399	Xã Đông Cuông
04402	Xã Phong Dụ Hạ
04423	Xã Phong Dụ Thượng
04429	Xã Tân Hợp
04441	Xã Xuân Ái
04450	Xã Mỏ Vàng
04456	Xã Mù Cang Chải
04462	Xã Nậm Có
04465	Xã Khao Màng
04474	Xã Lao Chải
04489	Xã Chế Tạo
04492	Xã Púng Luông
04498	Xã Trấn Yên
04531	Xã Quy Mông
04537	Xã Lương Thịnh
04564	Xã Việt Hồng
04576	Xã Hưng Khánh

Mã số	Tên đơn vị hành chính
04585	Xã Hạnh Phúc
04603	Xã Tà Xi Láng
04606	Xã Trạm Tầu
04609	Xã Phình Hồ
04630	Xã Tú Lệ
04636	Xã Gia Hội
04651	Xã Sơn Lương
04660	Xã Liên Sơn
04672	Xã Văn Chấn
04693	Xã Cát Thịnh
04699	Xã Chấn Thịnh
04705	Xã Thượng Bằng La
04711	Xã Nghĩa Tâm
04714	Xã Yên Bình
04717	Xã Thác Bà
04726	Xã Cẩm Nhân
04744	Xã Yên Thành
04750	Xã Bảo Ái

19. TỈNH THÁI NGUYÊN

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 92, gồm 77 xã, 15 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
01840	Phường Đức Xuân
01843	Phường Bắc Kạn
05443	Phường Phan Đình Phùng
05455	Phường Quyết Thắng
05467	Phường Gia Sàng
05482	Phường Quan Triều
05500	Phường Tích Lương
05518	Phường Sông Công
05528	Phường Bách Quang
05533	Phường Bá Xuyên
05710	Phường Linh Sơn
05857	Phường Phúc Thuận
05860	Phường Phổ Yên
05890	Phường Vạn Xuân
05899	Phường Trung Thành
01849	Xã Phong Quang
01864	Xã Bằng Thành
01879	Xã Cao Minh
01882	Xã Nghiên Loan
01894	Xã Phúc Lộc
01906	Xã Ba Bể
01912	Xã Chợ Rã
01921	Xã Thượng Minh
01933	Xã Đồng Phúc
01936	Xã Nà Phặc

Mã số	Tên đơn vị hành chính
01942	Xã Bằng Vân
01954	Xã Ngân Sơn
01957	Xã Thượng Quan
01960	Xã Hiệp Lực
01969	Xã Phú Thông
01981	Xã Vĩnh Thông
02008	Xã Cẩm Giàng
02014	Xã Bạch Thông
02020	Xã Chợ Đồn
02026	Xã Nam Cường
02038	Xã Quảng Bạch
02044	Xã Yên Thịnh
02071	Xã Nghĩa Tá
02083	Xã Yên Phong
02086	Xã Chợ Mới
02101	Xã Thanh Mai
02104	Xã Tân Kỳ
02107	Xã Thanh Thịnh
02116	Xã Yên Bình
02143	Xã Văn Lang
02152	Xã Cường Lợi
02155	Xã Na Rì
02176	Xã Trần Phú
02185	Xã Côn Minh
02191	Xã Xuân Dương
05488	Xã Đại Phúc
05503	Xã Tân Cương
05542	Xã Lam Vỹ

Mã số	Tên đơn vị hành chính
05551	Xã Kim Phượng
05563	Xã Phượng Tiến
05569	Xã Định Hóa
05581	Xã Trung Hội
05587	Xã Bình Yên
05602	Xã Phú Đình
05605	Xã Bình Thành
05611	Xã Phú Lương
05620	Xã Yên Trạch
05632	Xã Hợp Thành
05641	Xã Vô Tranh
05662	Xã Trại Cau
05665	Xã Văn Lãng
05674	Xã Quang Sơn
05680	Xã Văn Hán
05692	Xã Đồng Hỷ
05707	Xã Nam Hòa
05716	Xã Võ Nhai
05719	Xã Sáng Mộc
05722	Xã Nghinh Tường
05725	Xã Thần Sa
05740	Xã La Hiên
05746	Xã Tràng Xá
05755	Xã Dân Tiến
05773	Xã Phú Xuyên
05776	Xã Đức Lương
05788	Xã Phú Lạc
05800	Xã Phú Thịnh

Mã số	Tên đơn vị hành chính
05809	Xã An Khánh
05818	Xã La Bằng
05830	Xã Đại Từ
05845	Xã Vạn Phú
05851	Xã Quân Chu
05881	Xã Thành Công
05908	Xã Phú Bình
05917	Xã Tân Khánh
05923	Xã Tân Thành
05941	Xã Diềm Thụy
05953	Xã Kha Sơn

20. TỈNH LẠNG SƠN**(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 65, gồm 61 xã, 04 phường)**

Mã số	Tên đơn vị hành chính
05977	Phường Đông Kinh
05983	Phường Lương Văn Tri
05986	Phường Tam Thanh
06187	Phường Kỳ Lừa
06001	Xã Đoàn Kết
06004	Xã Quốc Khánh
06019	Xã Tân Tiến
06037	Xã Kháng Chiến
06040	Xã Thất Khê
06046	Xã Tràng Định
06058	Xã Quốc Việt
06073	Xã Hoa Thám
06076	Xã Quý Hòa
06079	Xã Hồng Phong
06085	Xã Thiện Hòa
06091	Xã Thiện Thuật
06103	Xã Thiện Long
06112	Xã Bình Gia
06115	Xã Tân Văn
06124	Xã Na Sầm
06148	Xã Thụy Hùng
06151	Xã Hội Hoan
06154	Xã Văn Lãng
06172	Xã Hoàng Văn Thụ
06184	Xã Đồng Đăng

Mã số	Tên đơn vị hành chính
06196	Xã Ba Sơn
06211	Xã Cao Lộc
06220	Xã Công Sơn
06253	Xã Văn Quan
06280	Xã Điềm He
06286	Xã Khánh Khê
06298	Xã Yên Phúc
06313	Xã Tri Lễ
06316	Xã Tân Đoàn
06325	Xã Bắc Sơn
06337	Xã Tân Tri
06349	Xã Hưng Vũ
06364	Xã Vũ Lễ
06367	Xã Vũ Lăng
06376	Xã Nhất Hòa
06385	Xã Hữu Lũng
06391	Xã Yên Bình
06400	Xã Hữu Liên
06415	Xã Vân Nham
06427	Xã Cai Kinh
06436	Xã Thiện Tân
06445	Xã Tân Thành
06457	Xã Tuấn Sơn
06463	Xã Chi Lăng
06475	Xã Bằng Mạc
06481	Xã Chiến Thắng
06496	Xã Nhân Lý
06505	Xã Vạn Linh

Mã số	Tên đơn vị hành chính
06517	Xã Quan Sơn
06526	Xã Na Dương
06529	Xã Lộc Bình
06541	Xã Mẫu Sơn
06565	Xã Khuất Xá
06577	Xã Thống Nhất
06601	Xã Lợi Bắc
06607	Xã Xuân Dương
06613	Xã Đình Lập
06616	Xã Thái Bình
06625	Xã Kiên Mộc
06637	Xã Châu Sơn

22. TỈNH QUẢNG NINH

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 54, gồm 22 xã, 30 phường, 02 đặc khu)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
06652	Phường Hà Tu
06658	Phường Cao Xanh
06661	Phường Việt Hưng
06673	Phường Bãi Cháy
06676	Phường Hà Lâm
06685	Phường Hồng Gai
06688	Phường Hạ Long
06706	Phường Tuần Châu
06709	Phường Móng Cái 2
06712	Phường Móng Cái 1
06736	Phường Móng Cái 3
06760	Phường Mông Dương
06778	Phường Quang Hanh
06781	Phường Cửa Ông
06793	Phường Cẩm Phả
06811	Phường Uông Bí
06820	Phường Vàng Danh
06832	Phường Yên Tử
07030	Phường Hoành Bồ
07069	Phường Mạo Khê
07081	Phường Bình Khê
07090	Phường An Sinh
07093	Phường Đông Triều
07114	Phường Hoàng Quế

Mã số	Tên đơn vị hành chính
07132	Phường Quảng Yên
07135	Phường Đông Mai
07147	Phường Hiệp Hòa
07168	Phường Hà An
07180	Phường Liên Hòa
07183	Phường Phong Cốc
06724	Xã Hải Sơn
06733	Xã Hải Ninh
06757	Xã Vĩnh Thục
06799	Xã Hải Hòa
06838	Xã Bình Liêu
06841	Xã Hoành Mô
06856	Xã Lục Hồn
06862	Xã Tiên Yên
06874	Xã Điền Xá
06877	Xã Đông Ngũ
06886	Xã Hải Lạng
06895	Xã Đàm Hà
06913	Xã Quảng Tân
06922	Xã Quảng Hà
06931	Xã Quảng Đức
06946	Xã Đường Hoa
06967	Xã Cái Chiên
06970	Xã Ba Chẽ
06979	Xã Kỳ Thượng
06985	Xã Lương Minh

Mã số	Tên đơn vị hành chính
07054	Xã Quảng La
07060	Xã Thống Nhất
06994	Đặc khu Vân Đồn
07192	Đặc khu Cô Tô

24. TỈNH BẮC NINH**(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 99, gồm 66 xã, 33 phường)**

Mã số	Tên đơn vị hành chính
07210	Phường Bắc Giang
07228	Phường Đa Mai
07525	Phường Chũ
07612	Phường Phượng Sơn
07681	Phường Yên Dũng
07682	Phường Tân An
07696	Phường Tiền Phong
07699	Phường Tân Tiến
07738	Phường Cảnh Thụy
07774	Phường Tự Lạn
07777	Phường Việt Yên
07795	Phường Nénh
07798	Phường Vân Hà
09169	Phường Vũ Ninh
09187	Phường Kinh Bắc
09190	Phường Võ Cường
09247	Phường Quế Võ
09253	Phường Nhân Hòa
09265	Phường Phương Liễu
09286	Phường Nam Sơn
09295	Phường Bồng Lai
09301	Phường Đào Viên
09325	Phường Hạp Lĩnh
09367	Phường Từ Sơn
09370	Phường Tam Sơn

Mã số	Tên đơn vị hành chính
09379	Phường Phù Khê
09385	Phường Đồng Nguyên
09400	Phường Thuận Thành
09409	Phường Mão Điền
09427	Phường Trí Quả
09430	Phường Trạm Lộ
09433	Phường Song Liễu
09445	Phường Ninh Xá
07246	Xã Xuân Lương
07264	Xã Tam Tiến
07282	Xã Đông Kỳ
07288	Xã Yên Thế
07294	Xã Bó Hạ
07306	Xã Nhã Nam
07330	Xã Phúc Hòa
07333	Xã Quang Trung
07339	Xã Tân Yên
07351	Xã Ngọc Thiệp
07375	Xã Lạng Giang
07381	Xã Tiên Lục
07399	Xã Kép
07420	Xã Mỹ Thái
07432	Xã Tân Dĩnh
07444	Xã Lục Nam
07450	Xã Đông Phú
07462	Xã Bảo Đài
07486	Xã Nghĩa Phương
07489	Xã Trường Sơn

Mã số	Tên đơn vị hành chính
07492	Xã Lục Sơn
07498	Xã Bắc Lũng
07519	Xã Cẩm Lý
07531	Xã Tân Sơn
07534	Xã Sa Lý
07537	Xã Biên Sơn
07543	Xã Sơn Hải
07552	Xã Kiên Lao
07573	Xã Biển Động
07582	Xã Lục Ngạn
07594	Xã Đèo Gia
07603	Xã Nam Dương
07615	Xã Sơn Động
07616	Xã Tây Yên Tử
07621	Xã Vân Sơn
07627	Xã Đại Sơn
07642	Xã Yên Định
07654	Xã An Lạc
07663	Xã Tuấn Đạo
07672	Xã Dương Hưu
07735	Xã Đồng Việt
07822	Xã Hoàng Vân
07840	Xã Hiệp Hòa
07864	Xã Hợp Thịnh
07870	Xã Xuân Cẩm
09193	Xã Yên Phong
09202	Xã Tam Giang
09205	Xã Yên Trung

Mã số	Tên đơn vị hành chính
09208	Xã Tam Đa
09238	Xã Văn Môn
09292	Xã Phù Lãng
09313	Xã Chi Lăng
09319	Xã Tiên Du
09334	Xã Liên Bảo
09340	Xã Đại Đồng
09343	Xã Tân Chi
09349	Xã Phật Tích
09454	Xã Gia Bình
09466	Xã Cao Đức
09469	Xã Đại Lai
09475	Xã Nhân Thắng
09487	Xã Đông Cứu
09496	Xã Lương Tài
09499	Xã Trung Kênh
09523	Xã Trung Chính
09529	Xã Lâm Thao

25. TỈNH PHÚ THỌ

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 148, gồm 133 xã, 15 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
04792	Phường Tân Hòa
04795	Phường Hòa Bình
04828	Phường Thống Nhất
04894	Phường Kỳ Sơn
07894	Phường Nông Trang
07900	Phường Việt Trì
07909	Phường Thanh Miếu
07918	Phường Vân Phú
07942	Phường Phú Thọ
07948	Phường Âu Cơ
07954	Phường Phong Châu
08707	Phường Vĩnh Yên
08716	Phường Vĩnh Phúc
08740	Phường Phúc Yên
08746	Phường Xuân Hòa
04831	Xã Đà Bắc
04846	Xã Đức Nhân
04849	Xã Tân Pheo
04873	Xã Quy Đức
04876	Xã Cao Sơn
04891	Xã Tiên Phong
04897	Xã Thịnh Minh
04924	Xã Lương Sơn
04960	Xã Liên Sơn
04978	Xã Kim Bôi

Mã số	Tên đơn vị hành chính
04990	Xã Nật Sơn
05014	Xã Mường Động
05047	Xã Cao Dương
05068	Xã Hợp Kim
05086	Xã Dũng Tiến
05089	Xã Cao Phong
05092	Xã Thung Nai
05116	Xã Mường Thàng
05128	Xã Tân Lạc
05134	Xã Mường Hoa
05152	Xã Vân Sơn
05158	Xã Mường Bi
05191	Xã Toàn Thắng
05200	Xã Mai Châu
05206	Xã Tân Mai
05212	Xã Pà Cò
05245	Xã Bao La
05251	Xã Mai Hạ
05266	Xã Lạc Sơn
05287	Xã Mường Vang
05290	Xã Nhân Nghĩa
05293	Xã Thượng Cốc
05305	Xã Yên Phú
05323	Xã Quyết Thắng
05329	Xã Ngọc Sơn
05347	Xã Đại Đồng
05353	Xã Yên Thủy
05362	Xã Lạc Lương

Mã số	Tên đơn vị hành chính
05386	Xã Yên Trị
05392	Xã Lạc Thủy
05395	Xã An Nghĩa
05425	Xã An Bình
07969	Xã Đoan Hùng
07996	Xã Bằng Luân
07999	Xã Chí Đám
08023	Xã Tây Cốc
08038	Xã Chân Mộng
08053	Xã Hạ Hòa
08071	Xã Đan Thượng
08110	Xã Hiền Lương
08113	Xã Yên Kỳ
08134	Xã Văn Lang
08143	Xã Vĩnh Chân
08152	Xã Thanh Ba
08173	Xã Quảng Yên
08203	Xã Hoàng Cương
08209	Xã Đông Thành
08218	Xã Chí Tiên
08227	Xã Liên Minh
08230	Xã Phú Ninh
08236	Xã Phú Mỹ
08245	Xã Trạm Thán
08254	Xã Dân Chủ
08275	Xã Bình Phú
08290	Xã Yên Lập
08296	Xã Sơn Lương

Mã số	Tên đơn vị hành chính
08305	Xã Xuân Viên
08311	Xã Trung Sơn
08323	Xã Thượng Long
08338	Xã Minh Hòa
08341	Xã Cẩm Khê
08344	Xã Tiên Lương
08377	Xã Vân Bán
08398	Xã Phú Khê
08416	Xã Hùng Việt
08431	Xã Đồng Lương
08434	Xã Tam Nông
08443	Xã Hiền Quan
08467	Xã Vạn Xuân
08479	Xã Thọ Văn
08494	Xã Lâm Thao
08500	Xã Xuân Lũng
08515	Xã Hy Cương
08521	Xã Phùng Nguyên
08527	Xã Bản Nguyên
08542	Xã Thanh Sơn
08545	Xã Thu Cúc
08560	Xã Lai Đồng
08566	Xã Tân Sơn
08584	Xã Võ Miếu
08590	Xã Xuân Đài
08593	Xã Minh Đài
08611	Xã Văn Miếu
08614	Xã Cự Đồng

Mã số	Tên đơn vị hành chính
08620	Xã Long Cốc
08632	Xã Hương Cầm
08635	Xã Khả Cửu
08656	Xã Yên Sơn
08662	Xã Đào Xá
08674	Xã Thanh Thủy
08686	Xã Tu Vũ
08761	Xã Lập Thạch
08770	Xã Hợp Lý
08773	Xã Yên Lãng
08782	Xã Hải Lựu
08788	Xã Thái Hòa
08812	Xã Liên Hòa
08824	Xã Tam Sơn
08842	Xã Tiên Lữ
08848	Xã Sông Lô
08866	Xã Sơn Đông
08869	Xã Tam Dương
08872	Xã Tam Dương Bắc
08896	Xã Hoàng An
08905	Xã Hội Thịnh
08911	Xã Tam Đảo
08914	Xã Đạo Trù
08923	Xã Đại Đình
08935	Xã Bình Nguyên
08944	Xã Bình Xuyên
08950	Xã Bình Xuyên
08971	Xã Xuân Lãng

Mã số	Tên đơn vị hành chính
09025	Xã Yên Lạc
09040	Xã Tề Lỗ
09043	Xã Tam Hồng
09052	Xã Nguyệt Đức
09064	Xã Liên Châu
09076	Xã Vĩnh Tường
09079	Xã Vĩnh An
09100	Xã Vĩnh Hưng
09106	Xã Vĩnh Thành
09112	Xã Thổ Tang
09154	Xã Vĩnh Phú

31. THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 114, gồm 67 xã, 45 phường, 02 đặc khu)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
10507	Phường Thành Đông
10525	Phường Hải Dương
10532	Phường Lê Thanh Nghị
10537	Phường Tân Hưng
10543	Phường Việt Hòa
10546	Phường Chí Linh
10549	Phường Chu Văn An
10552	Phường Nguyễn Trãi
10570	Phường Trần Hưng Đạo
10573	Phường Trần Nhân Tông
10603	Phường Lê Đại Hành
10660	Phường Ái Quốc
10675	Phường Kinh Môn
10678	Phường Bắc An Phụ
10714	Phường Nhị Chiểu
10726	Phường Phạm Sư Mạnh
10729	Phường Trần Liễu
10744	Phường Nguyễn Đại Nãi
10837	Phường Nam Đồng
10891	Phường Tứ Minh
11002	Phường Thạch Khôi
11311	Phường Hồng Bàng
11329	Phường Ngô Quyền
11359	Phường Gia Viên
11383	Phường Lê Chân

Mã số	Tên đơn vị hành chính
11407	Phường An Biên
11411	Phường Đông Hải
11413	Phường Hải An
11443	Phường Kiến An
11446	Phường Phù Liễn
11455	Phường Đồ Sơn
11473	Phường Bạch Đằng
11488	Phường Lưu Kiếm
11506	Phường Lê Ích Mộc
11533	Phường Hòa Bình
11542	Phường Nam Triệu
11557	Phường Thiên Hương
11560	Phường Thủy Nguyên
11581	Phường An Dương
11593	Phường An Phong
11602	Phường Hồng An
11617	Phường An Hải
11689	Phường Hưng Đạo
11692	Phường Dương Kinh
11737	Phường Nam Đồ Sơn
10606	Xã Nam Sách
10615	Xã Hợp Tiến
10633	Xã Trần Phú
10642	Xã Thái Tân
10645	Xã An Phú
10705	Xã Nam An Phú
10750	Xã Phú Thái
10756	Xã Lai Khê

Mã số	Tên đơn vị hành chính
10792	Xã An Thành
10804	Xã Kim Thành
10813	Xã Thanh Hà
10816	Xã Hà Bắc
10843	Xã Hà Nam
10846	Xã Hà Tây
10882	Xã Hà Đông
10888	Xã Cẩm Giang
10903	Xã Cẩm Giàng
10909	Xã Tuệ Tĩnh
10930	Xã Mao Điền
10945	Xã Kê Sắt
10966	Xã Bình Giang
10972	Xã Đường An
10993	Xã Thượng Hồng
10999	Xã Gia Lộc
11020	Xã Yết Kiêu
11050	Xã Gia Phúc
11065	Xã Trường Tân
11074	Xã Tứ Kỳ
11086	Xã Đại Sơn
11113	Xã Tân Kỳ
11131	Xã Chí Minh
11140	Xã Lạc Phượng
11146	Xã Nguyên Giáp
11164	Xã Vĩnh Lại
11167	Xã Tân An
11203	Xã Ninh Giang

Mã số	Tên đơn vị hành chính
11218	Xã Hồng Châu
11224	Xã Khúc Thừa Dụ
11239	Xã Thanh Miện
11242	Xã Nguyễn Lương Bằng
11254	Xã Bắc Thanh Miện
11257	Xã Hải Hưng
11284	Xã Nam Thanh Miện
11503	Xã Việt Khê
11629	Xã An Lão
11635	Xã An Trường
11647	Xã An Quang
11668	Xã An Khánh
11674	Xã An Hưng
11680	Xã Kiến Thụy
11713	Xã Nghi Dương
11725	Xã Kiến Minh
11728	Xã Kiến Hưng
11749	Xã Kiến Hải
11755	Xã Tiên Lãng
11761	Xã Quyết Thắng
11779	Xã Tân Minh
11791	Xã Tiên Minh
11806	Xã Chấn Hưng
11809	Xã Hùng Thắng
11824	Xã Vĩnh Bảo
11836	Xã Vĩnh Thịnh
11842	Xã Vĩnh Thuận
11848	Xã Vĩnh Hòa

Mã số	Tên đơn vị hành chính
11875	Xã Vĩnh Hải
11887	Xã Vĩnh Am
11911	Xã Nguyễn Bình Khiêm
11914	Đặc khu Cát Hải
11948	Đặc khu Bạch Long Vĩ

33. TỈNH HƯNG YÊN

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 104, gồm 93 xã, 11 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
11953	Phường Phố Hiến
11980	Phường Hồng Châu
11983	Phường Sơn Nam
12103	Phường Mỹ Hào
12127	Phường Thượng Hồng
12133	Phường Đường Hào
12452	Phường Trần Hưng Đạo
12454	Phường Trần Lãm
12466	Phường Vũ Phúc
12817	Phường Trà Lý
13225	Phường Thái Bình
11977	Xã Tân Hưng
11992	Xã Lạc Đạo
11995	Xã Đại Đồng
12004	Xã Như Quỳnh
12019	Xã Văn Giang
12025	Xã Phụng Công
12031	Xã Nghĩa Trụ
12049	Xã Mỹ Sở
12064	Xã Nguyễn Văn Linh
12070	Xã Hoàn Long
12073	Xã Yên Mỹ
12091	Xã Việt Yên
12142	Xã Ân Thi
12148	Xã Phạm Ngũ Lão

Mã số	Tên đơn vị hành chính
12166	Xã Xuân Trúc
12184	Xã Nguyễn Trãi
12196	Xã Hồng Quang
12205	Xã Khoái Châu
12223	Xã Triệu Việt Vương
12238	Xã Việt Tiến
12247	Xã Châu Ninh
12271	Xã Chí Minh
12280	Xã Lương Bằng
12286	Xã Nghĩa Dân
12313	Xã Đức Hợp
12322	Xã Hiệp Cường
12337	Xã Hoàng Hoa Thám
12361	Xã Tiên Hoa
12364	Xã Tiên Lữ
12391	Xã Quang Hưng
12406	Xã Đoàn Đào
12424	Xã Tiên Tiến
12427	Xã Tống Trân
12472	Xã Quỳnh Phụ
12499	Xã A Sào
12511	Xã Minh Thọ
12517	Xã Ngọc Lâm
12523	Xã Phụ Dực
12526	Xã Đồng Bằng
12532	Xã Nguyễn Du
12577	Xã Quỳnh An
12583	Xã Tân Tiến

Mã số	Tên đơn vị hành chính
12586	Xã Hưng Hà
12595	Xã Ngự Thiên
12613	Xã Long Hưng
12619	Xã Diên Hà
12631	Xã Thần Khê
12634	Xã Tiên La
12676	Xã Lê Quý Đôn
12685	Xã Hồng Minh
12688	Xã Đông Hưng
12694	Xã Bắc Đông Hưng
12700	Xã Bắc Tiên Hưng
12736	Xã Đông Tiên Hưng
12745	Xã Bắc Đông Quan
12754	Xã Tiên Hưng
12763	Xã Nam Tiên Hưng
12775	Xã Nam Đông Hưng
12793	Xã Đông Quan
12826	Xã Thái Thụy
12850	Xã Tây Thụy Anh
12859	Xã Bắc Thụy Anh
12862	Xã Đông Thụy Anh
12865	Xã Thụy Anh
12904	Xã Nam Thụy Anh
12916	Xã Bắc Thái Ninh
12919	Xã Tây Thái Ninh
12922	Xã Thái Ninh
12943	Xã Đông Thái Ninh
12961	Xã Nam Thái Ninh

Mã số	Tên đơn vị hành chính
12970	Xã Tiền Hải
12988	Xã Đông Tiền Hải
13003	Xã Đồng Châu
13021	Xã Ái Quốc
13039	Xã Tây Tiền Hải
13057	Xã Nam Cường
13063	Xã Nam Tiền Hải
13066	Xã Hưng Phú
13075	Xã Kiến Xương
13093	Xã Trà Giang
13096	Xã Bình Nguyên
13120	Xã Lê Lợi
13132	Xã Quang Lịch
13141	Xã Vũ Quý
13159	Xã Hồng Vũ
13183	Xã Bình Thanh
13186	Xã Bình Định
13192	Xã Vũ Thư
13219	Xã Vạn Xuân
13222	Xã Thư Trì
13246	Xã Tân Thuận
13264	Xã Thư Vũ
13279	Xã Vũ Tiên

37. TỈNH NINH BÌNH**(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 129, gồm 97 xã, 32 phường)**

Mã số	Tên đơn vị hành chính
13285	Phường Phù Lý
13291	Phường Phù Vân
13318	Phường Châu Sơn
13324	Phường Duy Tiên
13330	Phường Duy Tân
13336	Phường Duy Hà
13348	Phường Đồng Văn
13363	Phường Tiên Sơn
13366	Phường Hà Nam
13384	Phường Kim Bảng
13393	Phường Lê Hồ
13396	Phường Nguyễn Ủy
13402	Phường Kim Thanh
13420	Phường Tam Chúc
13435	Phường Lý Thường Kiệt
13444	Phường Liêm Tuyền
13669	Phường Nam Định
13684	Phường Thiên Trường
13693	Phường Đông A
13699	Phường Thành Nam
13708	Phường Mỹ Lộc
13777	Phường Trường Thi
13972	Phường Vị Khê
13984	Phường Hồng Quang
14329	Phường Hoa Lư

Mã số	Tên đơn vị hành chính
14359	Phường Nam Hoa Lư
14362	Phường Tam Điệp
14365	Phường Trung Sơn
14371	Phường Yên Sơn
14533	Phường Tây Hoa Lư
14566	Phường Đông Hoa Lư
14725	Phường Yên Thắng
13456	Xã Liêm Hà
13474	Xã Tân Thanh
13483	Xã Thanh Bình
13489	Xã Thanh Lâm
13495	Xã Thanh Liêm
13501	Xã Bình Mỹ
13504	Xã Bình Lục
13531	Xã Bình Giang
13540	Xã Bình An
13558	Xã Bình Sơn
13573	Xã Lý Nhân
13579	Xã Bắc Lý
13591	Xã Nam Xang
13594	Xã Trần Thương
13597	Xã Vĩnh Trụ
13609	Xã Nhân Hà
13627	Xã Nam Lý
13741	Xã Vụ Bản
13750	Xã Minh Tân
13753	Xã Hiến Khánh
13786	Xã Liên Minh

Mã số	Tên đơn vị hành chính
13795	Xã Ý Yên
13807	Xã Tân Minh
13822	Xã Phong Doanh
13834	Xã Vũ Dương
13864	Xã Vạn Thắng
13870	Xã Yên Cường
13879	Xã Yên Đồng
13891	Xã Nghĩa Hưng
13894	Xã Rạng Đông
13900	Xã Đồng Thịnh
13918	Xã Nghĩa Sơn
13927	Xã Hồng Phong
13939	Xã Quý Nhất
13957	Xã Nghĩa Lâm
13966	Xã Nam Trực
13987	Xã Nam Hồng
14005	Xã Nam Ninh
14011	Xã Nam Minh
14014	Xã Nam Đồng
14026	Xã Cổ Lễ
14038	Xã Ninh Giang
14053	Xã Trực Ninh
14056	Xã Cát Thành
14062	Xã Quang Hưng
14071	Xã Minh Thái
14077	Xã Ninh Cường
14089	Xã Xuân Trường
14095	Xã Xuân Hồng

Mã số	Tên đơn vị hành chính
14104	Xã Xuân Giang
14122	Xã Xuân Hưng
14161	Xã Giao Minh
14167	Xã Giao Thủy
14179	Xã Giao Hưng
14182	Xã Giao Hòa
14194	Xã Giao Bình
14203	Xã Giao Phúc
14212	Xã Giao Ninh
14215	Xã Hải Hậu
14218	Xã Hải Tiến
14221	Xã Hải Thịnh
14236	Xã Hải Anh
14248	Xã Hải Hưng
14281	Xã Hải An
14287	Xã Hải Quang
14308	Xã Hải Xuân
14389	Xã Gia Lâm
14401	Xã Gia Tường
14404	Xã Cúc Phương
14407	Xã Phú Sơn
14428	Xã Nho Quan
14434	Xã Thanh Sơn
14452	Xã Quỳnh Lưu
14458	Xã Phú Long
14464	Xã Gia Viễn
14482	Xã Gia Hưng
14488	Xã Gia Vân

Mã số	Tên đơn vị hành chính
14494	Xã Gia Trấn
14500	Xã Đại Hoàng
14524	Xã Gia Phong
14560	Xã Yên Khánh
14563	Xã Khánh Thiện
14608	Xã Khánh Trung
14611	Xã Khánh Nhạc
14614	Xã Khánh Hội
14620	Xã Phát Diệm
14623	Xã Bình Minh
14638	Xã Kim Sơn
14647	Xã Quang Thiện
14653	Xã Chát Bình
14674	Xã Lai Thành
14677	Xã Định Hóa
14698	Xã Kim Đông
14701	Xã Yên Mô
14728	Xã Yên Từ
14743	Xã Yên Mạc
14746	Xã Đồng Thái

38. TỈNH THANH HÓA

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 166, gồm 147 xã, 19 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
14758	Phường Hàm Rồng
14797	Phường Hạc Thành
14812	Phường Bim Sơn
14818	Phường Quang Trung
15853	Phường Đông Tiến
15925	Phường Nguyệt Viên
16378	Phường Đông Sơn
16417	Phường Đông Quang
16516	Phường Nam Sầm Sơn
16522	Phường Quảng Phú
16531	Phường Sầm Sơn
16561	Phường Tĩnh Gia
16576	Phường Ngọc Sơn
16594	Phường Tân Dân
16597	Phường Hải Lĩnh
16609	Phường Đào Duy Từ
16624	Phường Trúc Lâm
16645	Phường Hải Bình
16654	Phường Nghi Sơn
14845	Xã Mường Lát
14848	Xã Tam Chung
14854	Xã Mường Lý
14857	Xã Trung Lý
14860	Xã Quang Chiêu
14863	Xã Pù Nhi

Mã số	Tên đơn vị hành chính
14864	Xã Nhi Sơn
14866	Xã Mường Chanh
14869	Xã Hồi Xuân
14872	Xã Trung Thành
14875	Xã Trung Sơn
14878	Xã Phú Lệ
14890	Xã Phú Xuân
14896	Xã Hiền Kiệt
14902	Xã Nam Xuân
14908	Xã Thiên Phú
14923	Xã Bá Thước
14932	Xã Điền Quang
14950	Xã Điền Lư
14953	Xã Quý Lương
14956	Xã Pù Luông
14959	Xã Cỗ Lũng
14974	Xã Văn Nho
14980	Xã Thiết Ống
15001	Xã Trung Hạ
15007	Xã Tam Thanh
15010	Xã Sơn Thủy
15013	Xã Na Mèo
15016	Xã Quan Sơn
15019	Xã Tam Lư
15022	Xã Sơn Điện
15025	Xã Mường Mìn
15031	Xã Yên Khương
15034	Xã Yên Thắng

Mã số	Tên đơn vị hành chính
15043	Xã Giao An
15049	Xã Văn Phú
15055	Xã Linh Sơn
15058	Xã Đồng Lương
15061	Xã Ngọc Lặc
15085	Xã Thạch Lập
15091	Xã Ngọc Liên
15106	Xã Nguyệt Ân
15112	Xã Kiên Thọ
15124	Xã Minh Sơn
15127	Xã Cẩm Thủy
15142	Xã Cẩm Thạch
15148	Xã Cẩm Tú
15163	Xã Cẩm Vân
15178	Xã Cẩm Tân
15187	Xã Kim Tân
15190	Xã Vân Du
15199	Xã Thạch Quảng
15211	Xã Thạch Bình
15229	Xã Thành Vinh
15250	Xã Ngọc Trạo
15271	Xã Hà Trung
15274	Xã Hà Long
15286	Xã Hoạt Giang
15298	Xã Lĩnh Toại
15316	Xã Tống Sơn
15349	Xã Vĩnh Lộc
15361	Xã Tây Đô

Mã số	Tên đơn vị hành chính
15382	Xã Biện Thượng
15409	Xã Yên Phú
15412	Xã Quý Lộc
15421	Xã Yên Trường
15442	Xã Yên Ninh
15448	Xã Định Hòa
15457	Xã Định Tân
15469	Xã Yên Định
15499	Xã Thọ Xuân
15505	Xã Thọ Long
15520	Xã Xuân Hòa
15544	Xã Lam Sơn
15553	Xã Sao Vàng
15568	Xã Thọ Lập
15574	Xã Xuân Tín
15592	Xã Xuân Lập
15607	Xã Bát Mọt
15610	Xã Yên Nhân
15622	Xã Vạn Xuân
15628	Xã Lương Sơn
15634	Xã Luận Thành
15643	Xã Thắng Lộc
15646	Xã Thường Xuân
15658	Xã Xuân Chinh
15661	Xã Tân Thành
15664	Xã Triệu Sơn
15667	Xã Thọ Bình
15682	Xã Hợp Tiến

Mã số	Tên đơn vị hành chính
15715	Xã Tân Ninh
15724	Xã Đồng Tiến
15754	Xã Thọ Ngọc
15763	Xã Thọ Phú
15766	Xã An Nông
15772	Xã Thiệu Hóa
15778	Xã Thiệu Tiến
15796	Xã Thiệu Quang
15820	Xã Thiệu Toán
15835	Xã Thiệu Trung
15865	Xã Hoằng Hóa
15880	Xã Hoằng Giang
15889	Xã Hoằng Phú
15910	Xã Hoằng Sơn
15961	Xã Hoằng Lộc
15976	Xã Hoằng Châu
15991	Xã Hoằng Tiến
16000	Xã Hoằng Thanh
16012	Xã Hậu Lộc
16021	Xã Triệu Lộc
16033	Xã Đông Thành
16072	Xã Hoa Lộc
16078	Xã Vạn Lộc
16093	Xã Nga Sơn
16108	Xã Tân Tiến
16114	Xã Nga Thắng
16138	Xã Hồ Vương
16144	Xã Nga An

Mã số	Tên đơn vị hành chính
16171	Xã Ba Đình
16174	Xã Như Xuân
16177	Xã Xuân Bình
16186	Xã Hóa Quỳ
16213	Xã Thanh Phong
16222	Xã Thanh Quân
16225	Xã Thượng Ninh
16228	Xã Như Thanh
16234	Xã Xuân Du
16249	Xã Mậu Lâm
16258	Xã Xuân Thái
16264	Xã Yên Thọ
16273	Xã Thanh Kỳ
16279	Xã Nông Công
16297	Xã Trung Chính
16309	Xã Thắng Lợi
16342	Xã Thắng Bình
16348	Xã Trường Văn
16363	Xã Tượng Lĩnh
16369	Xã Công Chính
16438	Xã Lưu Vệ
16480	Xã Quảng Yên
16489	Xã Quảng Chính
16498	Xã Quảng Ngọc
16540	Xã Quảng Ninh
16543	Xã Quảng Bình

Mã số	Tên đơn vị hành chính
16549	Xã Tiên Trang
16591	Xã Các Sơn
16636	Xã Trường Lâm

40. TỈNH NGHỆ AN**(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 130, gồm 119 xã, 11 phường)**

Mã số	Tên đơn vị hành chính
16681	Phường Thành Vinh
16690	Phường Trường Vinh
16702	Phường Vinh Phú
16708	Phường Vinh Lộc
16732	Phường Cửa Lò
16939	Phường Thái Hòa
17011	Phường Tây Hiếu
17110	Phường Hoàng Mai
17125	Phường Quỳnh Mai
17128	Phường Tân Mai
17920	Phường Vinh Hưng
16738	Xã Quế Phong
16744	Xã Thông Thụ
16750	Xã Tiên Phong
16756	Xã Tri Lễ
16774	Xã Mường Quàng
16777	Xã Quỳnh Châu
16792	Xã Châu Tiến
16801	Xã Hùng Chân
16804	Xã Châu Bình
16813	Xã Mường Xén
16816	Xã Mỹ Lý
16819	Xã Bắc Lý
16822	Xã Keng Đu
16828	Xã Huồi Tụ

Mã số	Tên đơn vị hành chính
16831	Xã Mường Lống
16834	Xã Na Loi
16837	Xã Nậm Cắn
16849	Xã Hữu Kiệm
16855	Xã Chiêu Lưu
16858	Xã Mường Típ
16870	Xã Na Ngòi
16876	Xã Tương Dương
16882	Xã Nhôn Mai
16885	Xã Hữu Khuông
16903	Xã Nga My
16906	Xã Lượng Minh
16909	Xã Yên Hòa
16912	Xã Yên Na
16933	Xã Tam Quang
16936	Xã Tam Thái
16941	Xã Nghĩa Đàn
16951	Xã Nghĩa Lâm
16969	Xã Nghĩa Thọ
16972	Xã Nghĩa Hưng
16975	Xã Nghĩa Mai
17017	Xã Đông Hiếu
17029	Xã Nghĩa Lộ
17032	Xã Nghĩa Khánh
17035	Xã Quỳnh Hợp
17044	Xã Châu Hồng
17056	Xã Châu Lộc
17059	Xã Tam Hợp

Mã số	Tên đơn vị hành chính
17071	Xã Minh Hợp
17077	Xã Mường Ham
17089	Xã Mường Chộng
17143	Xã Quỳnh Văn
17149	Xã Quỳnh Tam
17170	Xã Quỳnh Sơn
17176	Xã Quỳnh Anh
17179	Xã Quỳnh Lưu
17212	Xã Quỳnh Phú
17224	Xã Quỳnh Thắng
17230	Xã Bình Chuẩn
17239	Xã Mậu Thạch
17242	Xã Cam Phục
17248	Xã Châu Khê
17254	Xã Con Cuông
17263	Xã Môn Sơn
17266	Xã Tân Kỳ
17272	Xã Tân Phú
17278	Xã Giai Xuân
17284	Xã Nghĩa Đồng
17287	Xã Tiên Đồng
17305	Xã Tân An
17326	Xã Nghĩa Hành
17329	Xã Anh Sơn
17335	Xã Thành Bình Thọ
17344	Xã Nhân Hòa
17357	Xã Vĩnh Tường
17365	Xã Anh Sơn Đông

Mã số	Tên đơn vị hành chính
17380	Xã Yên Xuân
17395	Xã Hùng Châu
17416	Xã Đức Châu
17419	Xã Hải Châu
17443	Xã Quảng Châu
17464	Xã Diễn Châu
17476	Xã Minh Châu
17479	Xã An Châu
17488	Xã Tân Châu
17506	Xã Yên Thành
17515	Xã Bình Minh
17521	Xã Quang Đồng
17524	Xã Giai Lạc
17530	Xã Đông Thành
17560	Xã Vân Du
17569	Xã Quan Thành
17605	Xã Hợp Minh
17611	Xã Vân Tụ
17623	Xã Bạch Ngọc
17641	Xã Lương Sơn
17662	Xã Đô Lương
17677	Xã Văn Hiến
17689	Xã Thuần Trung
17707	Xã Bạch Hà
17713	Xã Đại Đồng
17722	Xã Hạnh Lâm
17728	Xã Cát Ngạn
17743	Xã Tam Đồng

Mã số	Tên đơn vị hành chính
17759	Xã Sơn Lâm
17770	Xã Hoa Quân
17779	Xã Xuân Lâm
17791	Xã Kim Bảng
17818	Xã Bích Hào
17827	Xã Nghi Lộc
17833	Xã Hải Lộc
17842	Xã Thần Lĩnh
17854	Xã Văn Kiều
17857	Xã Phúc Lộc
17866	Xã Trung Lộc
17878	Xã Đông Lộc
17935	Xã Nam Đàn
17944	Xã Đại Huệ
17950	Xã Vạn An
17971	Xã Kim Liên
17989	Xã Thiên Nhãn
18001	Xã Hưng Nguyên
18007	Xã Yên Trung
18028	Xã Hưng Nguyên Nam
18040	Xã Lam Thành

42. TỈNH HÀ TĨNH**(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 69, gồm 60 xã, 09 phường)**

Mã số	Tên đơn vị hành chính
18073	Phường Thành Sen
18100	Phường Trần Phú
18115	Phường Bắc Hồng Lĩnh
18118	Phường Nam Hồng Lĩnh
18652	Phường Hà Huy Tập
18754	Phường Sông Trí
18781	Phường Hải Ninh
18823	Phường Vũng Áng
18832	Phường Hoàng Sơn
18133	Xã Hương Sơn
18160	Xã Sơn Hồng
18163	Xã Sơn Tiến
18172	Xã Sơn Tây
18184	Xã Sơn Giang
18196	Xã Sơn Kim 1
18199	Xã Sơn Kim 2
18202	Xã Tứ Mỹ
18223	Xã Kim Hoa
18229	Xã Đức Thọ
18244	Xã Đức Minh
18262	Xã Đức Quang
18277	Xã Đức Thịnh
18304	Xã Đức Đồng
18313	Xã Vũ Quang
18322	Xã Mai Hoa

Mã số	Tên đơn vị hành chính
18328	Xã Thượng Đức
18352	Xã Nghi Xuân
18364	Xã Đan Hải
18373	Xã Tiên Điền
18394	Xã Cổ Đạm
18406	Xã Can Lộc
18409	Xã Hồng Lộc
18418	Xã Tùng Lộc
18436	Xã Trường Lưu
18466	Xã Gia Hạnh
18481	Xã Xuân Lộc
18484	Xã Đồng Lộc
18496	Xã Hương Khê
18502	Xã Hà Linh
18523	Xã Hương Bình
18532	Xã Hương Phố
18544	Xã Hương Xuân
18547	Xã Phúc Trạch
18550	Xã Hương Đô
18562	Xã Thạch Hà
18568	Xã Lộc Hà
18583	Xã Mai Phụ
18586	Xã Đông Kinh
18601	Xã Việt Xuyên
18604	Xã Thạch Khê
18619	Xã Đồng Tiến
18628	Xã Thạch Lạc
18634	Xã Toàn Lưu

Mã số	Tên đơn vị hành chính
18667	Xã Thạch Xuân
18673	Xã Cẩm Xuyên
18676	Xã Thiên Cẩm
18682	Xã Yên Hòa
18685	Xã Cẩm Bình
18736	Xã Cẩm Hưng
18739	Xã Cẩm Duệ
18742	Xã Cẩm Trung
18748	Xã Cẩm Lạc
18766	Xã Kỳ Xuân
18775	Xã Kỳ Anh
18787	Xã Kỳ Văn
18790	Xã Kỳ Khang
18814	Xã Kỳ Hoa
18838	Xã Kỳ Lạc
18844	Xã Kỳ Thượng

44. TỈNH QUẢNG TRỊ

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 78, gồm 69 xã, 08 phường, 01 đặc khu)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
18859	Phường Đồng Thuận
18871	Phường Đồng Sơn
18880	Phường Đồng Hới
19009	Phường Ba Đồn
19066	Phường Bắc Gianh
19333	Phường Đông Hà
19351	Phường Nam Đông Hà
19360	Phường Quảng Trị
18901	Xã Minh Hóa
18904	Xã Dân Hóa
18919	Xã Tân Thành
18922	Xã Kim Điền
18943	Xã Kim Phú
18949	Xã Đồng Lê
18952	Xã Tuyên Sơn
18958	Xã Tuyên Lâm
18985	Xã Tuyên Phú
18991	Xã Tuyên Bình
18997	Xã Tuyên Hóa
19021	Xã Phú Trạch
19030	Xã Trung Thuần
19033	Xã Hòa Trạch
19051	Xã Tân Gianh
19057	Xã Quảng Trạch
19075	Xã Nam Ba Đồn

Mã số	Tên đơn vị hành chính
19093	Xã Nam Gianh
19111	Xã Hoàn Lão
19126	Xã Bắc Trạch
19138	Xã Phong Nha
19141	Xã Bồ Trạch
19147	Xã Thượng Trạch
19159	Xã Đông Trạch
19198	Xã Nam Trạch
19204	Xã Trường Sơn
19207	Xã Quảng Ninh
19225	Xã Ninh Châu
19237	Xã Trường Ninh
19246	Xã Lệ Ninh
19249	Xã Lệ Thủy
19255	Xã Cam Hồng
19288	Xã Sen Ngư
19291	Xã Tân Mỹ
19309	Xã Trường Phú
19318	Xã Kim Ngân
19363	Xã Vĩnh Linh
19366	Xã Bến Quan
19372	Xã Vĩnh Hoàng
19405	Xã Vĩnh Thủy
19414	Xã Cửa Tùng
19429	Xã Khe Sanh
19432	Xã Lao Bảo
19435	Xã Hướng Lập
19441	Xã Hướng Phùng

Mã số	Tên đơn vị hành chính
19462	Xã Tân Lập
19483	Xã A Dơi
19489	Xã Lìa
19495	Xã Gio Linh
19496	Xã Cửa Việt
19501	Xã Bến Hải
19537	Xã Cồn Tiên
19555	Xã Hướng Hiệp
19564	Xã Đakrông
19567	Xã Ba Lòng
19588	Xã Tà Rụt
19594	Xã La Lay
19597	Xã Cam Lộ
19603	Xã Hiếu Giang
19624	Xã Triệu Phong
19639	Xã Nam Cửa Việt
19645	Xã Triệu Bình
19654	Xã Triệu Cơ
19669	Xã Ái Tử
19681	Xã Diên Sanh
19699	Xã Vĩnh Định
19702	Xã Hải Lăng
19735	Xã Nam Hải Lăng
19741	Xã Mỹ Thủy
19742	Đặc khu Cồn Cỏ

46. THÀNH PHỐ HUẾ

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 40, gồm 19 xã, 21 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
19753	Phường Phú Xuân
19774	Phường Kim Long
19777	Phường Võ Dạ
19789	Phường Thuận Hóa
19804	Phường Hương An
19813	Phường Thủy Xuân
19815	Phường An Cựu
19819	Phường Phong Điền
19828	Phường Phong Phú
19831	Phường Phong Dinh
19858	Phường Phong Thái
19873	Phường Phong Quảng
19900	Phường Thuận An
19909	Phường Dương Nỗ
19930	Phường Mỹ Thượng
19960	Phường Phú Bài
19969	Phường Thanh Thủy
19975	Phường Hương Thủy
19996	Phường Hương Trà
20014	Phường Hóa Châu
20017	Phường Kim Trà
19867	Xã Quảng Điền
19885	Xã Đan Điền
19918	Xã Phú Hồ
19942	Xã Phú Vang

Mã số	Tên đơn vị hành chính
19945	Xã Phú Vinh
20035	Xã Bình Điền
20044	Xã A Lưới 2
20050	Xã A Lưới 5
20056	Xã A Lưới 1
20071	Xã A Lưới 3
20101	Xã A Lưới 4
20107	Xã Phú Lộc
20122	Xã Vinh Lộc
20131	Xã Hưng Lộc
20137	Xã Chân Mây - Lăng Cô
20140	Xã Lộc An
20161	Xã Khe Tre
20179	Xã Nam Đông
20182	Xã Long Quảng

48. THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 94, gồm 70 xã, 23 phường, 01 đặc khu)**

Mã số	Tên đơn vị hành chính
20194	Phường Hải Vân
20197	Phường Liên Chiểu
20200	Phường Hòa Khánh
20209	Phường Thanh Khê
20242	Phường Hải Châu
20257	Phường Hòa Cường
20260	Phường Cẩm Lệ
20263	Phường Sơn Trà
20275	Phường An Hải
20285	Phường Ngũ Hành Sơn
20305	Phường An Khê
20314	Phường Hòa Xuân
20335	Phường Bàn Thạch
20341	Phường Tam Kỳ
20350	Phường Hương Trà
20356	Phường Quảng Phú
20401	Phường Hội An Tây
20410	Phường Hội An
20413	Phường Hội An Đông
20551	Phường Điện Bàn
20557	Phường Điện Bàn Bắc
20575	Phường An Thắng
20579	Phường Điện Bàn Đông
20308	Xã Bà Nà
20320	Xã Hòa Vang

Mã số	Tên đơn vị hành chính
20332	Xã Hòa Tiến
20364	Xã Chiên Đàn
20380	Xã Tây Hồ
20392	Xã Phú Ninh
20434	Xã Tân Hiệp
20443	Xã Hùng Sơn
20455	Xã Tây Giang
20458	Xã Avương
20467	Xã Đông Giang
20476	Xã Sông Kôn
20485	Xã Sông Vàng
20494	Xã Bến Hiên
20500	Xã Đại Lộc
20506	Xã Thượng Đức
20515	Xã Hà Nha
20539	Xã Vu Gia
20542	Xã Phú Thuận
20569	Xã Điện Bàn Tây
20587	Xã Gò Nổi
20599	Xã Nam Phước
20611	Xã Thu Bồn
20623	Xã Duy Xuyên
20635	Xã Duy Nghĩa
20641	Xã Quế Sơn
20650	Xã Xuân Phú
20656	Xã Nông Sơn
20662	Xã Quế Sơn Trung
20669	Xã Quế Phước

Mã số	Tên đơn vị hành chính
20695	Xã Thạnh Mỹ
20698	Xã La Êê
20704	Xã La Dêê
20707	Xã Nam Giang
20710	Xã Bến Giằng
20716	Xã Đắc Pring
20722	Xã Khâm Đức
20728	Xã Phước Hiệp
20734	Xã Phước Năng
20740	Xã Phước Chánh
20752	Xã Phước Thành
20767	Xã Việt An
20770	Xã Phước Trà
20779	Xã Hiệp Đức
20791	Xã Thăng Bình
20794	Xã Thăng An
20818	Xã Đồng Dương
20827	Xã Thăng Phú
20836	Xã Thăng Trường
20848	Xã Thăng Điền
20854	Xã Tiên Phước
20857	Xã Sơn Cẩm Hà
20875	Xã Lãnh Ngọc
20878	Xã Thạnh Bình
20900	Xã Trà My
20908	Xã Trà Liên
20920	Xã Trà Đốc
20923	Xã Trà Tân

Mã số	Tên đơn vị hành chính
20929	Xã Trà Giáp
20938	Xã Trà Leng
20941	Xã Trà Tập
20944	Xã Nam Trà My
20950	Xã Trà Linh
20959	Xã Trà Vân
20965	Xã Núi Thành
20971	Xã Tam Xuân
20977	Xã Đức Phú
20984	Xã Tam Anh
20992	Xã Tam Hải
21004	Xã Tam Mỹ
20333	Đặc khu Hoàng Sa

51. TỈNH QUẢNG NGÃI

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 96, gồm 86 xã, 09 phường, 01 đặc khu)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
21025	Phường Cẩm Thành
21028	Phường Nghĩa Lộ
21172	Phường Trương Quang Trọng
21439	Phường Đức Phổ
21451	Phường Trà Câu
21478	Phường Sa Huỳnh
23284	Phường Đăk Cẩm
23293	Phường Kon Tum
23302	Phường Đăk Bla
21034	Xã An Phú
21040	Xã Bình Sơn
21061	Xã Vạn Tường
21085	Xã Bình Minh
21100	Xã Bình Chương
21109	Xã Đông Sơn
21115	Xã Trà Bồng
21124	Xã Thanh Bồng
21127	Xã Đông Trà Bồng
21136	Xã Cà Đam
21154	Xã Tây Trà
21157	Xã Tây Trà Bồng
21181	Xã Thọ Phong
21196	Xã Trường Giang
21205	Xã Ba Gia
21211	Xã Tịnh Khê

Mã số	Tên đơn vị hành chính
21220	Xã Sơn Tịnh
21235	Xã Tư Nghĩa
21238	Xã Vệ Giang
21244	Xã Trà Giang
21250	Xã Nghĩa Giang
21289	Xã Sơn Hà
21292	Xã Sơn Hạ
21307	Xã Sơn Linh
21319	Xã Sơn Thủy
21325	Xã Sơn Kỳ
21334	Xã Sơn Tây Thượng
21340	Xã Sơn Tây
21343	Xã Sơn Tây Hạ
21349	Xã Sơn Mai
21361	Xã Minh Long
21364	Xã Nghĩa Hành
21370	Xã Phước Giang
21385	Xã Đình Cương
21388	Xã Thiện Tín
21400	Xã Mộ Đức
21409	Xã Long Phụng
21421	Xã Mỏ Cày
21433	Xã Lân Phong
21457	Xã Nguyễn Nghiêm
21472	Xã Khánh Cường
21484	Xã Ba Tơ
21490	Xã Ba Vinh
21496	Xã Ba Động

Mã số	Tên đơn vị hành chính
21499	Xã Ba Dinh
21520	Xã Đặng Thùy Trâm
21523	Xã Ba Tô
21529	Xã Ba Vì
21538	Xã Ba Xa
23317	Xã Ngọc Bay
23326	Xã Ia Chim
23332	Xã Đăk Rơ Wa
23341	Xã Đăk Pék
23344	Xã Đăk Plô
23356	Xã Xốp
23365	Xã Ngọc Linh
23368	Xã Đăk Long
23374	Xã Đăk Môn
23377	Xã Bờ Y
23383	Xã Dục Nông
23392	Xã Sa Loong
23401	Xã Đăk Tô
23416	Xã Đăk Sao
23419	Xã Đăk Tờ Kan
23425	Xã Tu Mơ Rông
23428	Xã Ngọc Tụ
23430	Xã Kon Đào
23446	Xã Măng Ri
23455	Xã Măng Bút
23473	Xã Măng Đen
23476	Xã Kon Plông
23479	Xã Đăk Rve

Mã số	Tên đơn vị hành chính
23485	Xã Đăk Kôi
23497	Xã Kon Braih
23500	Xã Đăk Hà
23504	Xã Đăk Pxi
23510	Xã Đăk Ui
23512	Xã Đăk Mar
23515	Xã Ngọk Réo
23527	Xã Sa Thầy
23530	Xã Rờ Koi
23534	Xã Sa Bình
23535	Xã Ia Đal
23536	Xã Mô Rai
23538	Xã Ia Tơi
23548	Xã Ya Ly
21548	Đặc khu Lý Sơn

52. TỈNH GIA LAI

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 135, gồm 110 xã, 25 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
21553	Phường Quy Nhơn Bắc
21583	Phường Quy Nhơn
21589	Phường Quy Nhơn Tây
21592	Phường Quy Nhơn Nam
21601	Phường Quy Nhơn Đông
21637	Phường Tam Quan
21640	Phường Bồng Sơn
21655	Phường Hoài Nhơn Bắc
21661	Phường Hoài Nhơn Tây
21664	Phường Hoài Nhơn
21670	Phường Hoài Nhơn Đông
21673	Phường Hoài Nhơn Nam
21907	Phường Bình Định
21910	Phường An Nhơn
21925	Phường An Nhơn Bắc
21934	Phường An Nhơn Đông
21943	Phường An Nhơn Nam
23563	Phường Diên Hồng
23575	Phường Pleiku
23584	Phường Thống Nhất
23586	Phường Hội Phú
23602	Phường An Phú
23614	Phường An Bình
23617	Phường An Khê
24044	Phường Ayun Pa

Mã số	Tên đơn vị hành chính
21607	Xã Nhơn Châu
21609	Xã An Lão
21616	Xã An Vinh
21622	Xã An Toàn
21628	Xã An Hòa
21688	Xã Hoài Ân
21697	Xã Ân Hảo
21703	Xã Vạn Đức
21715	Xã Ân Tường
21727	Xã Kim Sơn
21730	Xã Phù Mỹ
21733	Xã Bình Dương
21739	Xã Phù Mỹ Bắc
21751	Xã Phù Mỹ Đông
21757	Xã Phù Mỹ Tây
21769	Xã An Lương
21775	Xã Phù Mỹ Nam
21786	Xã Vĩnh Thạnh
21787	Xã Vĩnh Sơn
21796	Xã Vĩnh Thịnh
21805	Xã Vĩnh Quang
21808	Xã Tây Sơn
21817	Xã Bình Hiệp
21820	Xã Bình Khê
21829	Xã Bình An
21835	Xã Bình Phú
21853	Xã Phù Cát
21859	Xã Đề Gi

Mã số	Tên đơn vị hành chính
21868	Xã Hội Sơn
21871	Xã Hòa Hội
21880	Xã Cát Tiến
21892	Xã Xuân An
21901	Xã Ngô Mây
21940	Xã An Nhơn Tây
21952	Xã Tuy Phước
21964	Xã Tuy Phước Bắc
21970	Xã Tuy Phước Đông
21985	Xã Tuy Phước Tây
21994	Xã Vân Canh
21997	Xã Canh Liên
22006	Xã Canh Vinh
23590	Xã Biển Hồ
23611	Xã Gào
23629	Xã Cửu An
23638	Xã Kbang
23644	Xã Đak Rong
23647	Xã Sơn Lang
23650	Xã Krong
23668	Xã Tơ Tung
23674	Xã Kông Bơ La
23677	Xã Đak Đoa
23683	Xã Đak Somei
23701	Xã Kon Gang
23710	Xã Ia Băng
23714	Xã KDang
23722	Xã Chư Păh

Mã số	Tên đơn vị hành chính
23728	Xã Ia Khuol
23734	Xã Ia Ly
23938	Xã Ia Mơ
23749	Xã Ia Phí
23764	Xã Ia Grai
23767	Xã Ia Hrug
23776	Xã Ia Krái
23782	Xã Ia O
23788	Xã Ia Chia
23794	Xã Mang Yang
23798	Xã Ayun
23799	Xã Hra
23812	Xã Lơ Pang
23818	Xã Kon Chiêng
23824	Xã Kông Chro
23830	Xã Chư Krey
23833	Xã Ya Ma
23839	Xã SRó
23842	Xã Đăk Song
23851	Xã Chơ Long
23857	Xã Đức Cơ
23866	Xã Ia Krêl
23869	Xã Ia Dok
23872	Xã Ia Dom
23881	Xã Ia Pnôn
23884	Xã Ia Nan
23887	Xã Chư Prông
23896	Xã Bàu Cạn

Mã số	Tên đơn vị hành chính
23908	Xã Ia Tôr
23911	Xã Ia Boòng
23917	Xã Ia Púch
23926	Xã Ia Pia
23935	Xã Ia Lâu
23941	Xã Chư Sê
23942	Xã Chư Puh
23947	Xã Bờ Ngoong
23954	Xã Al Bá
23971	Xã Ia Hnú
23977	Xã Ia Ko
23986	Xã Ia Le
23995	Xã Đak Pơ
24007	Xã Ya Hội
24013	Xã Pờ Tó
24022	Xã Ia Pa
24028	Xã Ia Tul
24043	Xã Phú Thiện
24049	Xã Chư A Thai
24061	Xã Ia Hiao
24065	Xã Ia Rbol
24073	Xã Ia Sao
24076	Xã Phú Túc
24100	Xã Ia Dreh
24109	Xã Uar
24112	Xã Ia Rsai

56. TỈNH KHÁNH HÒA

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 65, gồm 48 xã, 16 phường, 01 đặc khu)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
22333	Phường Bắc Nha Trang
22366	Phường Nha Trang
22390	Phường Tây Nha Trang
22402	Phường Nam Nha Trang
22411	Phường Bắc Cam Ranh
22420	Phường Cam Ranh
22423	Phường Ba Ngòi
22432	Phường Cam Linh
22528	Phường Ninh Hòa
22561	Phường Đông Ninh Hòa
22591	Phường Hòa Thắng
22738	Phường Đô Vinh
22741	Phường Bảo An
22759	Phường Phan Rang
22780	Phường Đông Hải
22834	Phường Ninh Chữ
22435	Xã Cam Hiệp
22453	Xã Cam Lâm
22465	Xã Cam An
22480	Xã Nam Cam Ranh
22489	Xã Vạn Ninh
22498	Xã Tu Bông
22504	Xã Đại Lãnh
22516	Xã Vạn Thắng
22525	Xã Vạn Hưng

Mã số	Tên đơn vị hành chính
22546	Xã Bắc Ninh Hòa
22552	Xã Tây Ninh Hòa
22558	Xã Hòa Trí
22576	Xã Tân Định
22597	Xã Nam Ninh Hòa
22609	Xã Khánh Vĩnh
22612	Xã Trung Khánh Vĩnh
22615	Xã Bắc Khánh Vĩnh
22624	Xã Tây Khánh Vĩnh
22648	Xã Nam Khánh Vĩnh
22651	Xã Diên Khánh
22657	Xã Diên Điền
22660	Xã Diên Lâm
22672	Xã Diên Thọ
22678	Xã Diên Lạc
22702	Xã Suối Hiệp
22708	Xã Suối Dầu
22714	Xã Khánh Sơn
22720	Xã Tây Khánh Sơn
22732	Xã Đông Khánh Sơn
22786	Xã Bắc Ái Tây
22795	Xã Bắc Ái
22801	Xã Bắc Ái Đông
22810	Xã Ninh Sơn
22813	Xã Lâm Sơn
22822	Xã Mỹ Sơn
22828	Xã Anh Dũng
22840	Xã Công Hải

Mã số	Tên đơn vị hành chính
22846	Xã Vĩnh Hải
22849	Xã Thuận Bắc
22852	Xã Ninh Hải
22861	Xã Xuân Hải
22870	Xã Ninh Phước
22873	Xã Phước Hậu
22888	Xã Phước Dinh
22891	Xã Phước Hữu
22897	Xã Thuận Nam
22900	Xã Phước Hà
22909	Xã Cà Ná
22736	Đặc khu Trường Sa

66. TỈNH ĐẮK LẮK

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 102, gồm 88 xã, 14 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
22015	Phường Tuy Hòa
22045	Phường Bình Kiến
22051	Phường Sông Cầu
22076	Phường Xuân Đài
22240	Phường Phú Yên
22258	Phường Đông Hòa
22261	Phường Hòa Hiệp
24121	Phường Tân Lập
24133	Phường Buôn Ma Thuột
24154	Phường Thành Nhất
24163	Phường Tân An
24169	Phường Ea Kao
24305	Phường Buôn Hồ
24340	Phường Cư Bao
22057	Xã Xuân Lộc
22060	Xã Xuân Cảnh
22075	Xã Xuân Thọ
22081	Xã Đồng Xuân
22090	Xã Xuân Lãnh
22096	Xã Phú Mỹ
22111	Xã Xuân Phước
22114	Xã Tuy An Bắc
22120	Xã Tuy An Đông
22132	Xã Tuy An Tây
22147	Xã Ô Loan

Mã số	Tên đơn vị hành chính
22153	Xã Tuy An Nam
22165	Xã Sơn Hòa
22171	Xã Tây Sơn
22177	Xã Vân Hòa
22192	Xã Suối Trai
22207	Xã Sông Hình
22222	Xã Đức Bình
22225	Xã Ea Bá
22237	Xã Ea Ly
22250	Xã Sơn Thành
22255	Xã Tây Hòa
22276	Xã Hòa Thịnh
22285	Xã Hòa Mỹ
22291	Xã Hòa Xuân
22303	Xã Phú Hòa 2
22319	Xã Phú Hòa 1
24175	Xã Hòa Phú
24181	Xã Ea Drăng
24184	Xã Ea H'Leo
24187	Xã Ea Hiao
24193	Xã Ea Wy
24208	Xã Ea Khăl
24211	Xã Ea Súp
24214	Xã Ia Lốp
24217	Xã Ea Rók
24221	Xã Ia Rvê
24229	Xã Ea Bung
24235	Xã Buôn Đôn

Mã số	Tên đơn vị hành chính
24241	Xã Ea Wer
24250	Xã Ea Nuôl
24259	Xã Quảng Phú
24265	Xã Ea Kiệt
24277	Xã Ea Tul
24280	Xã Cư M'gar
24286	Xã Ea M'Droh
24301	Xã Cuôr Đăng
24310	Xã Krông Búk
24313	Xã Cư Pong
24316	Xã Pong Drang
24328	Xã Ea Drông
24343	Xã Krông Năng
24346	Xã Dliê Ya
24352	Xã Tam Giang
24364	Xã Phú Xuân
24373	Xã Ea Kar
24376	Xã Ea Knốp
24400	Xã Ea Păl
24403	Xã Ea Ô
24406	Xã Cư Yang
24412	Xã M'Drăk
24415	Xã Cư Prao
24433	Xã Ea Riêng
24436	Xã Cư M'ta
24444	Xã Krông Á
24445	Xã Ea Trang
24448	Xã Krông Bông

Mã số	Tên đơn vị hành chính
24454	Xã Dang Kang
24472	Xã Hòa Sơn
24478	Xã Cư Pui
24484	Xã Yang Mao
24490	Xã Krông Pắc
24496	Xã Ea Kly
24502	Xã Ea Phê
24505	Xã Ea Knuéc
24526	Xã Tân Tiến
24529	Xã Vụ Bồn
24538	Xã Krông Ana
24540	Xã Ea Ning
24544	Xã Ea Ktur
24559	Xã Ea Na
24561	Xã Dray Bhang
24568	Xã Dur Kmăl
24580	Xã Liên Sơn Lắc
24595	Xã Đăk Liêng
24598	Xã Đăk Phoi
24604	Xã Krông Nô
24607	Xã Nam Ka

68. TỈNH LÂM ĐỒNG

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 124, gồm 103 xã, 20 phường, 01 đặc khu)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
22918	Phường Mũi Né
22924	Phường Phú Thủy
22933	Phường Hàm Thắng
22945	Phường Phan Thiết
22954	Phường Tiến Thành
22960	Phường Bình Thuận
23231	Phường Phước Hội
23235	Phường La Gi
24611	Phường Bắc Gia Nghĩa
24615	Phường Nam Gia Nghĩa
24617	Phường Đông Gia Nghĩa
24778	Phường Lâm Viên - Đà Lạt
24781	Phường Xuân Hương - Đà Lạt
24787	Phường Cam Ly - Đà Lạt
24805	Phường Xuân Trường - Đà Lạt
24820	Phường 2 Bảo Lộc
24823	Phường 1 Bảo Lộc
24829	Phường B'Lao
24841	Phường 3 Bảo Lộc
24846	Phường Lang Biang - Đà Lạt
22963	Xã Tuyên Quang
22969	Xã Liên Hương
22972	Xã Phan Rí Cửa
22978	Xã Tuy Phong
22981	Xã Vĩnh Hào

Mã số	Tên đơn vị hành chính
23005	Xã Bắc Bình
23008	Xã Phan Sơn
23020	Xã Hải Ninh
23023	Xã Sông Lũy
23032	Xã Lương Sơn
23041	Xã Hồng Thái
23053	Xã Hòa Thắng
23059	Xã Hàm Thuận
23065	Xã La Dạ
23074	Xã Đông Giang
23086	Xã Hồng Sơn
23089	Xã Hàm Thuận Bắc
23095	Xã Hàm Liêm
23110	Xã Hàm Thuận Nam
23122	Xã Hàm Thạnh
23128	Xã Hàm Kiệm
23134	Xã Tân Lập
23143	Xã Tân Thành
23149	Xã Tánh Linh
23152	Xã Bắc Ruộng
23158	Xã Nghị Đức
23173	Xã Đồng Kho
23188	Xã Suối Kiết
23191	Xã Đức Linh
23194	Xã Hoài Đức
23200	Xã Nam Thành
23227	Xã Trà Tân
23230	Xã Tân Minh

Mã số	Tên đơn vị hành chính
23236	Xã Hàm Tân
23246	Xã Tân Hải
23266	Xã Sơn Mỹ
24616	Xã Quảng Sơn
24620	Xã Quảng Hòa
24631	Xã Quảng Khê
24637	Xã Tà Đùng
24640	Xã Cư Jút
24646	Xã Đắk Wil
24649	Xã Nam Dong
24664	Xã Đức Lập
24670	Xã Đắk Mil
24678	Xã Đắk Sắk
24682	Xã Thuận An
24688	Xã Krông Nô
24697	Xã Nam Đà
24703	Xã Nam Nung
24712	Xã Quảng Phú
24717	Xã Đức An
24718	Xã Đắk Song
24722	Xã Thuận Hạnh
24730	Xã Trường Xuân
24733	Xã Kiến Đức
24736	Xã Quảng Trục
24739	Xã Tuy Đức
24748	Xã Quảng Tân
24751	Xã Nhân Cơ
24760	Xã Quảng Tín

Mã số	Tên đơn vị hành chính
24848	Xã Lạc Dương
24853	Xã Đam Rông 4
24868	Xã Nam Ban Lâm Hà
24871	Xã Đinh Văn Lâm Hà
24875	Xã Đam Rông 3
24877	Xã Đam Rông 2
24883	Xã Nam Hà Lâm Hà
24886	Xã Đam Rông 1
24895	Xã Phú Sơn Lâm Hà
24907	Xã Phúc Thọ Lâm Hà
24916	Xã Tân Hà Lâm Hà
24931	Xã Đơn Dương
24934	Xã D'Ran
24943	Xã Ka Đô
24955	Xã Quảng Lập
24958	Xã Đức Trọng
24967	Xã Hiệp Thạnh
24976	Xã Tân Hội
24985	Xã Ninh Gia
24988	Xã Tà Năng
24991	Xã Tà Hine
25000	Xã Di Linh
25007	Xã Đinh Trang Thượng
25015	Xã Gia Hiệp
25018	Xã Bảo Thuận
25036	Xã Hòa Ninh
25042	Xã Hòa Bắc
25051	Xã Sơn Điền

Mã số	Tên đơn vị hành chính
25054	Xã Bảo Lâm 1
25057	Xã Bảo Lâm 5
25063	Xã Bảo Lâm 4
25084	Xã Bảo Lâm 2
25093	Xã Bảo Lâm 3
25099	Xã Đạ Huoai
25105	Xã Đạ Huoai 2
25114	Xã Đạ Huoai 3
25126	Xã Đạ Tẻh
25135	Xã Đạ Tẻh 3
25138	Xã Đạ Tẻh 2
25159	Xã Cát Tiên
25162	Xã Cát Tiên 3
25180	Xã Cát Tiên 2
23272	Đặc khu Phú Quý

75. TỈNH ĐỒNG NAI**(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 95, gồm 72 xã, 23 phường)**

Mã số	Tên đơn vị hành chính
25195	Phường Bình Phước
25210	Phường Đồng Xoài
25217	Phường Phước Long
25220	Phường Phước Bình
25326	Phường Bình Long
25333	Phường An Lộc
25432	Phường Chơn Thành
25441	Phường Minh Hưng
25993	Phường Trảng Dài
26005	Phường Hồ Nai
26017	Phường Tam Hiệp
26020	Phường Long Bình
26041	Phường Trăn Biên
26068	Phường Biên Hòa
26080	Phường Long Khánh
26089	Phường Bình Lộc
26098	Phường Bảo Vinh
26104	Phường Xuân Lập
26113	Phường Hàng Gòn
26188	Phường Tân Triều
26374	Phường Tam Phước
26377	Phường Phước Tân
26380	Phường Long Hưng
25222	Xã Bù Gia Mập
25225	Xã Đắk Ô

Mã số	Tên đơn vị hành chính
25231	Xã Đa Kia
25246	Xã Bình Tân
25252	Xã Phú Riêng
25255	Xã Long Hà
25261	Xã Phú Trung
25267	Xã Phú Nghĩa
25270	Xã Lộc Ninh
25279	Xã Lộc Tấn
25280	Xã Lộc Thạnh
25292	Xã Lộc Quang
25294	Xã Lộc Thành
25303	Xã Lộc Hưng
25308	Xã Thiện Hưng
25309	Xã Hưng Phước
25318	Xã Tân Tiến
25345	Xã Tân Hưng
25349	Xã Minh Đức
25351	Xã Tân Quan
25357	Xã Tân Khai
25363	Xã Đồng Phú
25378	Xã Tân Lợi
25387	Xã Thuận Lợi
25390	Xã Đồng Tâm
25396	Xã Bù Đăng
25399	Xã Đak Nhau
25402	Xã Thọ Sơn
25405	Xã Bom Bo
25417	Xã Nghĩa Trung

Mã số	Tên đơn vị hành chính
25420	Xã Phước Sơn
25450	Xã Nha Bích
26116	Xã Tân Phú
26119	Xã Đak Lua
26122	Xã Nam Cát Tiên
26134	Xã Tà Lài
26158	Xã Phú Lâm
26170	Xã Trị An
26173	Xã Phú Lý
26179	Xã Tân An
26206	Xã Định Quán
26209	Xã Thanh Sơn
26215	Xã Phú Vinh
26221	Xã Phú Hòa
26227	Xã La Ngà
26248	Xã Trảng Bom
26254	Xã Bàu Hàm
26278	Xã Bình Minh
26281	Xã Hưng Thịnh
26296	Xã An Viễn
26299	Xã Thống Nhất
26311	Xã Gia Kiệm
26326	Xã Dầu Giây
26332	Xã Xuân Quế
26341	Xã Cẩm Mỹ
26347	Xã Xuân Đường
26359	Xã Xuân Đông
26362	Xã Sông Ray

Mã số	Tên đơn vị hành chính
26368	Xã Long Thành
26383	Xã An Phước
26389	Xã Bình An
26413	Xã Long Phước
26422	Xã Phước Thái
26425	Xã Xuân Lộc
26428	Xã Xuân Bắc
26434	Xã Xuân Thành
26446	Xã Xuân Hòa
26458	Xã Xuân Phú
26461	Xã Xuân Định
26485	Xã Nhơn Trạch
26491	Xã Đại Phước
26503	Xã Phước An

79. THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 168, gồm 54 xã, 113 phường, 01 đặc khu)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
25747	Phường Thủ Dầu Một
25750	Phường Phú Lợi
25760	Phường Bình Dương
25768	Phường Phú An
25771	Phường Chánh Hiệp
25813	Phường Bến Cát
25837	Phường Chánh Phú Hòa
25840	Phường Long Nguyên
25843	Phường Tây Nam
25846	Phường Thới Hòa
25849	Phường Hòa Lợi
25888	Phường Tân Uyên
25891	Phường Tân Khánh
25912	Phường Vĩnh Tân
25915	Phường Bình Cơ
25920	Phường Tân Hiệp
25942	Phường Dĩ An
25945	Phường Tân Đông Hiệp
25951	Phường Đông Hòa
25966	Phường Lái Thiêu
25969	Phường Thuận Giao
25975	Phường An Phú
25978	Phường Thuận An
25987	Phường Bình Hòa
26506	Phường Vũng Tàu

Mã số	Tên đơn vị hành chính
26526	Phường Tam Thắng
26536	Phường Rạch Dừa
26542	Phường Phước Thắng
26560	Phường Bà Rịa
26566	Phường Long Hương
26572	Phường Tam Long
26704	Phường Phú Mỹ
26710	Phường Tân Hải
26713	Phường Tân Phước
26725	Phường Tân Thành
26737	Phường Tân Định
26740	Phường Sài Gòn
26743	Phường Bến Thành
26758	Phường Cầu Ông Lãnh
26767	Phường An Phú Đông
26773	Phường Thới An
26782	Phường Tân Thới Hiệp
26785	Phường Trung Mỹ Tây
26791	Phường Đông Hưng Thuận
26800	Phường Linh Xuân
26803	Phường Tam Bình
26809	Phường Hiệp Bình
26824	Phường Thủ Đức
26833	Phường Long Bình
26842	Phường Tăng Nhơn Phú
26848	Phường Phước Long
26857	Phường Long Phước
26860	Phường Long Trường

Mã số	Tên đơn vị hành chính
26876	Phường An Nhơn
26878	Phường An Hội Đông
26882	Phường An Hội Tây
26884	Phường Gò Vấp
26890	Phường Hạnh Thông
26898	Phường Thông Tây Hội
26905	Phường Bình Lợi Trung
26911	Phường Bình Quới
26929	Phường Bình Thạnh
26944	Phường Gia Định
26956	Phường Thạnh Mỹ Tây
26968	Phường Tân Sơn Nhất
26977	Phường Tân Sơn Hòa
26983	Phường Bảy Hiền
26995	Phường Tân Hòa
27004	Phường Tân Bình
27007	Phường Tân Sơn
27013	Phường Tây Thạnh
27019	Phường Tân Sơn Nhì
27022	Phường Phú Thọ Hòa
27028	Phường Phú Thạnh
27031	Phường Tân Phú
27043	Phường Đức Nhuận
27058	Phường Cầu Kiệu
27073	Phường Phú Nhuận
27094	Phường An Khánh
27097	Phường Bình Trưng
27112	Phường Cát Lái

Mã số	Tên đơn vị hành chính
27139	Phường Xuân Hòa
27142	Phường Nhiều Lộc
27154	Phường Bàn Cờ
27163	Phường Hòa Hưng
27169	Phường Diên Hồng
27190	Phường Vườn Lài
27211	Phường Hòa Bình
27226	Phường Phú Thọ
27232	Phường Bình Thới
27238	Phường Minh Phụng
27259	Phường Xóm Chiếu
27265	Phường Khánh Hội
27286	Phường Vĩnh Hội
27301	Phường Chợ Quán
27316	Phường An Đông
27343	Phường Chợ Lớn
27349	Phường Phú Lâm
27364	Phường Bình Phú
27367	Phường Bình Tây
27373	Phường Bình Tiên
27418	Phường Chánh Hưng
27424	Phường Bình Đông
27427	Phường Phú Định
27439	Phường Bình Hưng Hòa
27442	Phường Bình Tân
27448	Phường Bình Trị Đông
27457	Phường Tân Tạo
27460	Phường An Lạc

Mã số	Tên đơn vị hành chính
27475	Phường Tân Hưng
27478	Phường Tân Thuận
27484	Phường Phú Thuận
27487	Phường Tân Mỹ
25777	Xã Dầu Tiếng
25780	Xã Minh Thạnh
25792	Xã Long Hòa
25807	Xã Thanh An
25819	Xã Trừ Văn Thố
25822	Xã Bàu Bàng
25858	Xã Phú Giáo
25864	Xã Phước Thành
25867	Xã An Long
25882	Xã Phước Hòa
25906	Xã Bắc Tân Uyên
25909	Xã Thường Tân
26545	Xã Long Sơn
26575	Xã Ngãi Giao
26584	Xã Xuân Sơn
26590	Xã Bình Giã
26596	Xã Châu Đức
26608	Xã Kim Long
26617	Xã Nghĩa Thành
26620	Xã Hồ Tràm
26632	Xã Xuyên Mộc
26638	Xã Bàu Lâm
26641	Xã Hòa Hội
26647	Xã Hòa Hiệp

Mã số	Tên đơn vị hành chính
26656	Xã Bình Châu
26659	Xã Long Điền
26662	Xã Long Hải
26680	Xã Đất Đỏ
26686	Xã Phước Hải
26728	Xã Châu Pha
27496	Xã Tân An Hội
27508	Xã An Nhơn Tây
27511	Xã Nhuận Đức
27526	Xã Thái Mỹ
27541	Xã Phú Hòa Đông
27544	Xã Bình Mỹ
27553	Xã Củ Chi
27559	Xã Hóc Môn
27568	Xã Đông Thạnh
27577	Xã Xuân Thới Sơn
27592	Xã Bà Điểm
27595	Xã Tân Nhựt
27601	Xã Vĩnh Lộc
27604	Xã Tân Vĩnh Lộc
27610	Xã Bình Lợi
27619	Xã Bình Hưng
27628	Xã Hưng Long
27637	Xã Bình Chánh
27655	Xã Nhà Bè
27658	Xã Hiệp Phước
27664	Xã Cần Giờ
27667	Xã Bình Khánh

Mã số	Tên đơn vị hành chính
27673	Xã An Thới Đông
27676	Xã Thạnh An
26732	Đặc khu Côn Đảo

80. TỈNH TÂY NINH

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 96, gồm 82 xã, 14 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
25459	Phường Tân Ninh
25480	Phường Bình Minh
25567	Phường Ninh Thạnh
25630	Phường Long Hoa
25633	Phường Thanh Điền
25645	Phường Hòa Thành
25654	Phường Gò Dầu
25672	Phường Gia Lộc
25708	Phường Trảng Bàng
25732	Phường An Tịnh
27694	Phường Long An
27712	Phường Tân An
27715	Phường Khánh Hậu
27787	Phường Kiến Tường
25486	Xã Tân Biên
25489	Xã Tân Lập
25498	Xã Thạnh Bình
25510	Xã Trà Vong
25516	Xã Tân Châu
25522	Xã Tân Đông
25525	Xã Tân Hội
25531	Xã Tân Hòa
25534	Xã Tân Thành
25549	Xã Tân Phú
25552	Xã Dương Minh Châu

Mã số	Tên đơn vị hành chính
25573	Xã Cầu Khởi
25579	Xã Lộc Ninh
25585	Xã Châu Thành
25588	Xã Hào Đức
25591	Xã Phước Vinh
25606	Xã Hòa Hội
25621	Xã Ninh Điền
25657	Xã Thạnh Đức
25663	Xã Phước Thạnh
25666	Xã Truong Mít
25681	Xã Bến Cầu
25684	Xã Long Chữ
25702	Xã Long Thuận
25711	Xã Hưng Thuận
25729	Xã Phước Chi
27721	Xã Tân Hưng
27727	Xã Hưng Điền
27736	Xã Vĩnh Thạnh
27748	Xã Vĩnh Châu
27757	Xã Vĩnh Hưng
27763	Xã Khánh Hưng
27775	Xã Tuyên Bình
27793	Xã Bình Hiệp
27811	Xã Bình Hòa
27817	Xã Tuyên Thạnh
27823	Xã Mộc Hóa
27826	Xã Tân Thạnh
27838	Xã Nhơn Hòa Lập

Mã số	Tên đơn vị hành chính
27841	Xã Hậu Thạnh
27856	Xã Nhơn Ninh
27865	Xã Thạnh Hóa
27868	Xã Bình Thành
27877	Xã Thạnh Phước
27889	Xã Tân Tây
27898	Xã Đông Thành
27907	Xã Mỹ Quý
27925	Xã Đức Huệ
27931	Xã Hậu Nghĩa
27937	Xã Đức Hòa
27943	Xã An Ninh
27952	Xã Hiệp Hòa
27964	Xã Đức Lập
27976	Xã Mỹ Hạnh
27979	Xã Hòa Khánh
27991	Xã Bến Lức
27994	Xã Thạnh Lợi
28003	Xã Lương Hòa
28015	Xã Bình Đức
28018	Xã Mỹ Yên
28036	Xã Thủ Thừa
28051	Xã Mỹ Thạnh
28066	Xã Mỹ An
28072	Xã Tân Long
28075	Xã Tân Trụ
28087	Xã Nhựt Tảo
28093	Xã Vàm Cỏ

Mã số	Tên đơn vị hành chính
28108	Xã Cần Đức
28114	Xã Rạch Kiến
28126	Xã Long Cang
28132	Xã Mỹ Lệ
28138	Xã Tân Lâm
28144	Xã Long Hựu
28159	Xã Cần Giuộc
28165	Xã Phước Lý
28177	Xã Mỹ Lộc
28201	Xã Phước Vĩnh Tây
28207	Xã Tân Tập
28210	Xã Tâm Vu
28222	Xã Vĩnh Công
28225	Xã Thuận Mỹ
28243	Xã An Lục Long

82. TỈNH ĐỒNG THÁP

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 102, gồm 82 xã, 20 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
28249	Phường Đạo Thạnh
28261	Phường Mỹ Tho
28270	Phường Thới Sơn
28273	Phường Mỹ Phong
28285	Phường Trung An
28297	Phường Long Thuận
28306	Phường Gò Công
28315	Phường Bình Xuân
28435	Phường Mỹ Phước Tây
28436	Phường Thanh Hòa
28439	Phường Cai Lậy
28477	Phường Nhị Quý
28729	Phường Sơn Qui
29869	Phường Cao Lãnh
29884	Phường Mỹ Ngãi
29888	Phường Mỹ Trà
29905	Phường Sa Đéc
29954	Phường An Bình
29955	Phường Hồng Ngự
29978	Phường Thường Lạc
28321	Xã Tân Phước 1
28327	Xã Tân Phước 2
28336	Xã Hưng Thạnh
28345	Xã Tân Phước 3
28360	Xã Cái Bè

Mã số	Tên đơn vị hành chính
28366	Xã Hậu Mỹ
28378	Xã Mỹ Thiện
28393	Xã Hội Cư
28405	Xã Mỹ Đức Tây
28414	Xã Mỹ Lợi
28426	Xã Thanh Hưng
28429	Xã An Hữu
28444	Xã Thạnh Phú
28456	Xã Mỹ Thành
28468	Xã Tân Phú
28471	Xã Bình Phú
28501	Xã Hiệp Đức
28504	Xã Long Tiên
28516	Xã Ngũ Hiệp
28519	Xã Châu Thành
28525	Xã Tân Hương
28537	Xã Long Hưng
28543	Xã Long Định
28564	Xã Bình Trung
28576	Xã Vĩnh Kim
28582	Xã Kim Sơn
28594	Xã Chợ Gạo
28603	Xã Mỹ Tịnh An
28615	Xã Lương Hòa Lạc
28627	Xã Tân Thuận Bình
28633	Xã An Thạnh Thủy
28648	Xã Bình Ninh
28651	Xã Vĩnh Bình

Mã số	Tên đơn vị hành chính
28660	Xã Đồng Sơn
28663	Xã Phú Thành
28678	Xã Vĩnh Hựu
28687	Xã Long Bình
28693	Xã Tân Thới
28696	Xã Tân Phú Đông
28702	Xã Tân Hòa
28720	Xã Gia Thuận
28723	Xã Tân Đông
28738	Xã Tân Điền
28747	Xã Gò Công Đông
29926	Xã Tân Hồng
29929	Xã Tân Hộ Cơ
29938	Xã Tân Thành
29944	Xã An Phước
29971	Xã Thường Phước
29983	Xã Long Khánh
29992	Xã Long Phú Thuận
30001	Xã Tràm Chim
30010	Xã Tam Nông
30019	Xã An Hòa
30025	Xã Phú Cường
30028	Xã An Long
30034	Xã Phú Thọ
30037	Xã Tháp Mười
30043	Xã Phương Thịnh
30046	Xã Trường Xuân
30055	Xã Mỹ Quý

Mã số	Tên đơn vị hành chính
30061	Xã Đốc Bình Kiều
30073	Xã Thanh Mỹ
30076	Xã Mỹ Thọ
30085	Xã Ba Sao
30088	Xã Phong Mỹ
30112	Xã Mỹ Hiệp
30118	Xã Bình Hàng Trung
30130	Xã Thanh Bình
30154	Xã Tân Long
30157	Xã Tân Thạnh
30163	Xã Bình Thành
30169	Xã Lấp Vò
30178	Xã Mỹ An Hưng
30184	Xã Tân Khánh Trung
30208	Xã Hòa Long
30214	Xã Tân Dương
30226	Xã Lai Vung
30235	Xã Phong Hòa
30244	Xã Phú Hựu
30253	Xã Tân Nhuận Đông
30259	Xã Tân Phú Trung

86. TỈNH VĨNH LONG

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 124, gồm 105 xã, 19 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
28756	Phường Phú Khương
28777	Phường An Hội
28783	Phường Sơn Đông
28789	Phường Bến Tre
28858	Phường Phú Tân
29242	Phường Trà Vinh
29254	Phường Nguyệt Hóa
29263	Phường Long Đức
29398	Phường Hòa Thuận
29512	Phường Duyên Hải
29516	Phường Trường Long Hòa
29551	Phường Long Châu
29557	Phường Phước Hậu
29566	Phường Tân Ngãi
29590	Phường Thanh Đức
29593	Phường Tân Hạnh
29770	Phường Cái Vồn
29771	Phường Bình Minh
29812	Phường Đông Thành
28807	Xã Giao Long
28810	Xã Phú Túc
28840	Xã Tân Phú
28861	Xã Tiên Thủy
28870	Xã Chợ Lách
28879	Xã Phú Phụng

Mã số	Tên đơn vị hành chính
28894	Xã Vĩnh Thành
28901	Xã Hưng Khánh Trung
28903	Xã Mỏ Cày
28915	Xã Phước Mỹ Trung
28921	Xã Tân Thành Bình
28945	Xã Đồng Khởi
28948	Xã Nhuận Phú Tân
28957	Xã An Định
28969	Xã Thành Thới
28981	Xã Hương Mỹ
28984	Xã Giồng Trôm
28987	Xã Lương Hòa
28993	Xã Lương Phú
28996	Xã Châu Hòa
29020	Xã Phước Long
29029	Xã Tân Hào
29044	Xã Hưng Nhượng
29050	Xã Bình Đại
29062	Xã Phú Thuận
29077	Xã Lộc Thuận
29083	Xã Châu Hưng
29089	Xã Thạnh Trị
29104	Xã Thạnh Phước
29107	Xã Thới Thuận
29110	Xã Ba Tri
29122	Xã Mỹ Chánh Hòa
29125	Xã Bảo Thạnh
29137	Xã Tân Xuân

Mã số	Tên đơn vị hành chính
29143	Xã An Ngãi Trung
29158	Xã An Hiệp
29167	Xã Tân Thủy
29182	Xã Thanh Phú
29191	Xã Quới Điền
29194	Xã Đại Điền
29221	Xã Thanh Hải
29224	Xã An Qui
29227	Xã Thanh Phong
29266	Xã Càng Long
29275	Xã An Trường
29278	Xã Tân An
29287	Xã Bình Phú
29302	Xã Nhị Long
29308	Xã Cầu Kè
29317	Xã An Phú Tân
29329	Xã Phong Thạnh
29335	Xã Tam Ngãi
29341	Xã Tiểu Cần
29362	Xã Hùng Hòa
29365	Xã Tập Ngãi
29371	Xã Tân Hòa
29374	Xã Châu Thành
29386	Xã Song Lộc
29407	Xã Hưng Mỹ
29410	Xã Hòa Minh
29413	Xã Long Hòa
29416	Xã Cầu Ngang

Mã số	Tên đơn vị hành chính
29419	Xã Mỹ Long
29431	Xã Vinh Kim
29446	Xã Nhị Trường
29455	Xã Hiệp Mỹ
29461	Xã Trà Cú
29467	Xã Tập Sơn
29476	Xã Lưu Nghiệp Anh
29489	Xã Hàm Giang
29491	Xã Đại An
29497	Xã Đôn Châu
29506	Xã Long Hiệp
29513	Xã Long Thành
29518	Xã Long Hữu
29530	Xã Ngũ Lạc
29533	Xã Long Vĩnh
29536	Xã Đông Hải
29584	Xã An Bình
29602	Xã Long Hồ
29611	Xã Phú Quới
29623	Xã Nhơn Phú
29638	Xã Bình Phước
29641	Xã Cái Nhum
29653	Xã Tân Long Hội
29659	Xã Trung Thành
29668	Xã Quới An
29677	Xã Quới Thiện
29683	Xã Trung Hiệp
29698	Xã Trung Ngãi

Mã số	Tên đơn vị hành chính
29701	Xã Hiếu Phụng
29713	Xã Hiếu Thành
29719	Xã Tam Bình
29728	Xã Cái Ngang
29734	Xã Hòa Hiệp
29740	Xã Song Phú
29767	Xã Ngãi Tứ
29785	Xã Tân Lược
29788	Xã Mỹ Thuận
29800	Xã Tân Quới
29821	Xã Trà Ôn
29830	Xã Hòa Bình
29836	Xã Trà Côn
29845	Xã Vĩnh Xuân
29857	Xã Lục Sĩ Thành

91. TỈNH AN GIANG

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 102, gồm 85 xã, 14 phường, 03 đặc khu)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
30292	Phường Bình Đức
30301	Phường Mỹ Thới
30307	Phường Long Xuyên
30316	Phường Châu Đốc
30325	Phường Vĩnh Tế
30376	Phường Tân Châu
30377	Phường Long Phú
30502	Phường Thới Sơn
30505	Phường Chi Lăng
30520	Phường Tịnh Biên
30742	Phường Rạch Giá
30760	Phường Vĩnh Thông
30766	Phường Tô Châu
30769	Phường Hà Tiên
30313	Xã Mỹ Hòa Hưng
30337	Xã An Phú
30341	Xã Khánh Bình
30346	Xã Nhơn Hội
30352	Xã Phú Hữu
30367	Xã Vĩnh Hậu
30385	Xã Vĩnh Xương
30388	Xã Tân An
30403	Xã Châu Phong
30406	Xã Phú Tân
30409	Xã Chợ Vàm

Mã số	Tên đơn vị hành chính
30421	Xã Phú Lâm
30430	Xã Hòa Lạc
30436	Xã Phú An
30445	Xã Bình Thạnh Đông
30463	Xã Châu Phú
30469	Xã Mỹ Đức
30478	Xã Vĩnh Thạnh Trung
30481	Xã Thạnh Mỹ Tây
30487	Xã Bình Mỹ
30526	Xã An Cư
30538	Xã Núi Cẩm
30544	Xã Tri Tôn
30547	Xã Ba Chúc
30568	Xã Vĩnh Gia
30577	Xã Ô Lâm
30580	Xã Cô Tô
30589	Xã An Châu
30595	Xã Cần Đăng
30604	Xã Vĩnh An
30607	Xã Bình Hòa
30619	Xã Vĩnh Hạnh
30628	Xã Chợ Mới
30631	Xã Long Điền
30643	Xã Cù Lao Giêng
30658	Xã Nhơn Mỹ
30664	Xã Long Kiến
30673	Xã Hội An
30682	Xã Thoại Sơn

Mã số	Tên đơn vị hành chính
30685	Xã Phú Hòa
30688	Xã Ốc Eo
30691	Xã Tây Phú
30697	Xã Vĩnh Trạch
30709	Xã Định Mỹ
30781	Xã Tiên Hải
30787	Xã Kiên Lương
30790	Xã Hòa Điền
30793	Xã Vĩnh Điều
30796	Xã Giang Thành
30811	Xã Sơn Hải
30814	Xã Hòn Nghệ
30817	Xã Hòn Đất
30823	Xã Bình Sơn
30826	Xã Bình Giang
30835	Xã Sơn Kiên
30838	Xã Mỹ Thuận
30850	Xã Tân Hiệp
30856	Xã Tân Hội
30874	Xã Thạnh Đông
30880	Xã Châu Thành
30886	Xã Thạnh Lộc
30898	Xã Bình An
30904	Xã Giồng Riềng
30910	Xã Thạnh Hưng
30928	Xã Ngọc Chúc
30934	Xã Hòa Hưng
30943	Xã Long Thạnh

Mã số	Tên đơn vị hành chính
30949	Xã Hòa Thuận
30952	Xã Gò Quao
30958	Xã Định Hòa
30970	Xã Vĩnh Hòa Hưng
30982	Xã Vĩnh Tuy
30985	Xã An Biên
30988	Xã Tây Yên
31006	Xã Đông Thái
31012	Xã Vĩnh Hòa
31018	Xã An Minh
31024	Xã Đông Hòa
31027	Xã U Minh Thượng
31031	Xã Tân Thạnh
31036	Xã Đông Hưng
31042	Xã Văn Khánh
31051	Xã Vĩnh Phong
31064	Xã Vĩnh Bình
31069	Xã Vĩnh Thuận
31078	Đặc khu Phú Quốc
31105	Đặc khu Thổ Châu
31108	Đặc khu Kiên Hải

92. THÀNH PHỐ CẦN THƠ

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 103, gồm 72 xã, 31 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
31120	Phường Cái Khế
31135	Phường Ninh Kiều
31147	Phường Tân An
31150	Phường An Bình
31153	Phường Ô Môn
31157	Phường Thới Long
31162	Phường Phước Thới
31168	Phường Bình Thủy
31174	Phường Thới An Đông
31183	Phường Long Tuyền
31186	Phường Cái Răng
31201	Phường Hưng Phú
31207	Phường Thốt Nốt
31213	Phường Tân Lộc
31217	Phường Trung Nhứt
31228	Phường Thuận Hưng
31321	Phường Vị Thanh
31333	Phường Vị Tân
31340	Phường Ngã Bảy
31411	Phường Đại Thành
31471	Phường Long Mỹ
31473	Phường Long Bình
31480	Phường Long Phú 1
31507	Phường Sóc Trăng
31510	Phường Phú Lợi

Mã số	Tên đơn vị hành chính
31684	Phường Mỹ Xuyên
31732	Phường Ngã Năm
31753	Phường Mỹ Quới
31783	Phường Vĩnh Châu
31789	Phường Khánh Hòa
31804	Phường Vĩnh Phước
31231	Xã Thạnh An
31232	Xã Vĩnh Thạnh
31237	Xã Vĩnh Trinh
31246	Xã Thạnh Quới
31249	Xã Thạnh Phú
31255	Xã Trung Hưng
31258	Xã Thới Lai
31261	Xã Cờ Đỏ
31264	Xã Thới Hưng
31273	Xã Đông Hiệp
31282	Xã Đông Thuận
31288	Xã Trường Thành
31294	Xã Trường Xuân
31299	Xã Phong Điền
31309	Xã Trường Long
31315	Xã Nhơn Ái
31338	Xã Hòa Lựu
31342	Xã Tân Hòa
31348	Xã Trường Long Tây
31360	Xã Thạnh Xuân
31366	Xã Châu Thành
31369	Xã Đông Phước

Mã số	Tên đơn vị hành chính
31378	Xã Phú Hữu
31393	Xã Hòa An
31396	Xã Hiệp Hưng
31399	Xã Tân Bình
31408	Xã Thạnh Hòa
31420	Xã Phụng Hiệp
31426	Xã Phương Bình
31432	Xã Tân Phước Hưng
31441	Xã Vị Thủy
31453	Xã Vĩnh Thuận Đông
31459	Xã Vĩnh Tường
31465	Xã Vị Thanh 1
31489	Xã Vĩnh Viễn
31492	Xã Lương Tâm
31495	Xã Xà Phiên
31528	Xã Kế Sách
31531	Xã An Lạc Thôn
31537	Xã Phong Năm
31540	Xã Thới An Hội
31552	Xã Nhơn Mỹ
31561	Xã Đại Hải
31567	Xã Mỹ Tú
31569	Xã Phú Tâm
31570	Xã Hồ Đắc Kien
31579	Xã Long Hưng
31582	Xã Thuận Hòa
31591	Xã Mỹ Hương
31594	Xã An Ninh

Mã số	Tên đơn vị hành chính
31603	Xã Mỹ Phước
31615	Xã An Thạnh
31633	Xã Cù Lao Dung
31639	Xã Long Phú
31645	Xã Đại Ngãi
31654	Xã Trường Khánh
31666	Xã Tân Thạnh
31673	Xã Trần Đề
31675	Xã Liêu Tú
31679	Xã Lịch Hội Thượng
31687	Xã Tài Văn
31699	Xã Thạnh Thới An
31708	Xã Nhu Gia
31717	Xã Hòa Tú
31723	Xã Ngọc Tố
31726	Xã Gia Hòa
31741	Xã Tân Long
31756	Xã Phú Lộc
31759	Xã Lâm Tân
31777	Xã Vĩnh Lợi
31795	Xã Vĩnh Hải
31810	Xã Lai Hòa

96. TỈNH CÀ MAU

(Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: 64, gồm 55 xã, 09 phường)

Mã số	Tên đơn vị hành chính
31825	Phường Bạc Liêu
31834	Phường Vĩnh Trạch
31840	Phường Hiệp Thành
31942	Phường Giá Rai
31951	Phường Láng Tròn
32002	Phường An Xuyên
32014	Phường Lý Văn Lâm
32025	Phường Tân Thành
32041	Phường Hòa Thành
31843	Xã Hồng Dân
31849	Xã Ninh Quới
31858	Xã Vĩnh Lộc
31864	Xã Ninh Thạnh Lợi
31867	Xã Phước Long
31876	Xã Vĩnh Phước
31882	Xã Vĩnh Thanh
31885	Xã Phong Hiệp
31891	Xã Hòa Bình
31894	Xã Châu Thới
31900	Xã Vĩnh Lợi
31906	Xã Hưng Hội
31918	Xã Vĩnh Mỹ
31927	Xã Vĩnh Hậu
31957	Xã Phong Thạnh
31972	Xã Gành Hào

Mã số	Tên đơn vị hành chính
31975	Xã Đông Hải
31985	Xã Long Điền
31988	Xã An Trạch
31993	Xã Định Thành
32044	Xã Nguyễn Phích
32047	Xã U Minh
32059	Xã Khánh An
32062	Xã Khánh Lâm
32065	Xã Thới Bình
32069	Xã Biển Bạch
32071	Xã Trí Phải
32083	Xã Tân Lộc
32092	Xã Hồ Thị Kỷ
32095	Xã Trần Văn Thời
32098	Xã Sông Đốc
32104	Xã Đá Bạc
32110	Xã Khánh Bình
32119	Xã Khánh Hưng
32128	Xã Cái Nước
32134	Xã Lương Thế Trân
32137	Xã Tân Hưng
32140	Xã Hưng Mỹ
32152	Xã Đầm Dơi
32155	Xã Tạ An Khuong
32161	Xã Trần Phán
32167	Xã Tân Thuận
32182	Xã Quách Phẩm
32185	Xã Thanh Tùng

Mã số	Tên đơn vị hành chính
32188	Xã Tân Tiến
32191	Xã Năm Căn
32201	Xã Đất Mới
32206	Xã Tam Giang
32212	Xã Cái Đôi Vàm
32214	Xã Phú Mỹ
32218	Xã Phú Tân
32227	Xã Nguyễn Việt Khái
32236	Xã Tân Ân
32244	Xã Phan Ngọc Hiển
32248	Xã Đất Mũi